

Số: 24.../VTDK-KHĐT  
V/v CBTT Báo cáo thường niên năm 2023

Tp. HCM, ngày 26... tháng 03 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: **Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí**
  - Mã chứng khoán: PVT
  - Địa chỉ liên hệ: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
  - Điện thoại: (84.28) 39111301 Fax: (84.28) 39111300
  - Email: [info@pvtrans.com](mailto:info@pvtrans.com)

2. Nội dung công bố thông tin:

Ngày 26/03/2024 Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) đã ban hành Báo cáo thường niên năm 2023.

3. Báo cáo thường niên năm 2023 của PVTrans đã được công bố trên trang thông tin điện tử ngày 26/03/2024 tại đường dẫn <https://www.pvtrans.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HDQT, BKS (để b/c);
- Lưu VT, KHĐT.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2023.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Duyên Kiều*



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

2023

**KHÁT VỌNG - TRÍ TUỆ  
CHUYÊN NGHIỆP - NGHĨA TÌNH**



**V**ƯỢT SÓNG  
**V**ƯỢN XA

# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY



*“PVTrans đã mạnh dạn bước ra khỏi “vùng an toàn” để mở rộng lĩnh vực hoạt động, hình thức khai thác hướng đến các đối tác mới khi thị trường vận tải biến động và phân hóa mạnh mẽ. Bước đi quan trọng giúp đa dạng hóa nguồn thu, giảm bớt phụ thuộc vào thị trường truyền thống, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và ổn định tài chính.”*

Trong bối cảnh đầy âm ảm của nền kinh tế khi hầu hết các doanh nghiệp chọn cách “thủ thế” để giảm thiểu thiệt hại thay vì tập trung vào mục tiêu tăng trưởng, PVTrans vẫn không ngại tự làm khó chính mình, coi thử thách là cơ hội để thay đổi và bứt phá vươn lên. Năm 2023 đánh dấu bước phát triển mang tính bước ngoặt tạo ra một PVTrans đầy khác biệt trên nhiều phương diện, từ chiến lược kinh doanh, quy mô đến bộ máy quản trị, cả thành tích lẫn giá trị, không chỉ là những con số mang sức nóng tăng trưởng đơn thuần.

Không hài lòng với mức tăng trưởng vượt trội đạt được trong năm 2022, PVTrans quyết tâm vượt qua chính mình để tiếp nối đà tăng trưởng. Kết quả kinh doanh ghi nhận mức cao nhất trong lịch sử với Tổng doanh thu hợp nhất đạt **10.135 tỷ đồng**, vượt 49% kế hoạch, tăng 6% so với năm 2022; LNTT hợp nhất đạt **1.549 tỷ đồng**, vượt 128% kế hoạch, tăng 6% so với năm 2022; Nộp NSNN hợp nhất đạt **522 tỷ đồng**, vượt 76% kế hoạch. Liên tục hơn 10 năm qua, PVTrans đạt tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân đạt mức **16%**, quy mô tài sản tăng trưởng ở mức **7%/năm**, chỉ số ROE bình quân đạt **13%**.

Đóng góp quan trọng cho thành tích này là dấu ấn nổi bật trong công tác đầu tư khi lần đầu tiên số lượng tàu tiếp nhận đạt mức kỷ lục với 12 tàu, nâng tổng số tàu lên **51 chiếc** với trọng tải khoảng **1,4 triệu DWT**. Song song với sự gia tăng về quy mô,

đội tàu PVTrans cũng được trẻ hóa và nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường. Điều này giúp gia tăng năng lực cạnh tranh, không chỉ giữ vững ngôi vị số 1 ngành vận tải biển hàng lớn trong nước mà còn vững bước vào thị trường quốc tế.

PVTrans đã mạnh dạn bước ra khỏi “vùng an toàn” để mở rộng lĩnh vực hoạt động, hình thức khai thác hướng đến các đối tác mới khi thị trường vận tải biến động và phân hóa mạnh mẽ. Bước đi quan trọng giúp đa dạng hóa nguồn thu, giảm bớt phụ thuộc vào thị trường truyền thống, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và ổn định tài chính.

Công tác quản trị, điều hành cũng chứng kiến bước chuyển biến tích cực khi PVTrans bắt đầu xây dựng hệ thống quản trị công ty hướng đến chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Năm 2023 đánh dấu sự ra đời của các tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm tiểu ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro, Tiểu ban Nhân sự & Lương thưởng, giúp nâng tầm thực thi lên một mức chuyên nghiệp, bài bản. Lần đầu tiên PVTrans triển khai thành công thí điểm phân cấp đầu tư cho các ĐVTV giúp gỡ nút thắt quản trị, gia tăng cơ hội đầu tư mà vẫn đảm bảo quản trị rủi ro nhờ tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát.

Giá trị văn hóa của PVTrans tiếp tục lan tỏa với điểm nhấn về vai trò của các cấp lãnh đạo trong mọi khía cạnh hoạt động, từ những

quyết định mang tầm chiến lược đến tác phong làm việc thường ngày, từ đó định hình tiếng nói người đứng đầu, phát huy khả năng chèo lái giúp PVTrans vượt qua các thách thức hiện tại.

Vượt ra ngoài mục đích tối ưu hóa lợi nhuận, PVTrans từng bước triển khai các hoạt động CSR toàn diện, bao trùm nhiều khía cạnh từ bảo vệ môi trường, đảm bảo phúc lợi người lao động đến các hoạt động ASXH nhằm nhân rộng đóng góp thiết thực cho xã hội và trách nhiệm chia sẻ cùng cộng đồng.

Năm 2024 đã bắt đầu nhưng nền kinh tế dường như chưa thấy dấu hiệu ấm áp của “mùa xuân” mà dư âm của “mùa đông” từ năm 2023 vẫn còn đó với xung đột địa chính trị leo thang, điều kiện tín dụng thắt chặt, sức cầu suy yếu trên diện rộng, ... Đứng trước một tương lai đầy bất ổn và khó đoán định phía trước, PVTrans phải nỗ lực không ngừng, kiện toàn hệ thống, đổi mới tư duy để chuẩn bị nội lực mạnh mẽ vững tiến xa hơn trên hành trình chinh phục tầm cao mới. Cùng với nền tảng con người, tài chính chắc chắn, việc thúc đẩy tạo sự khác biệt cạnh tranh trên thị trường, linh hoạt trong đầu tư nhằm gia tăng hiệu quả sẽ là chìa khóa giúp PVTrans hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024, tiến tới đạt các mục tiêu chiến lược giai đoạn 5 năm 2021-2025 đề ra

PVTrans cam kết luôn đồng hành và hỗ trợ Quý cổ đông, khách hàng và đối tác vì niềm tin xây dựng một cộng đồng phát triển bền vững. PVTrans luôn trân trọng và biết ơn sự tin tưởng của Quý vị đã sát cánh cùng PVTrans trong suốt thời gian qua và hy vọng tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới.

Kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công!

Trân trọng cảm ơn!

**PHẠM VIỆT ANH**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty

## Kính gửi Quý cổ đông,

Một năm đi qua chứng kiến những bước đi chậm lại của nền kinh tế toàn cầu trong “vòng xoáy bất ổn” lan rộng. Thế giới đối mặt cùng lúc nhiều cú sốc tích cực và tiêu cực đan xen với điểm nóng chính trị như xung đột tại Ukraine chưa có hồi kết, bạo lực bùng nổ tại Dải Gaza...cùng với trào lưu chuyển đổi số, ứng phó với suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu. Những thách thức ấy đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới, nâng cao sức chống chịu để thích nghi và phát triển trong thế giới đầy biến động.



**DẤU ẤN PVTRANS 2023**

### VƯỢT CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH VÀ DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG

Duy trì đà tăng trưởng liên tục trong suốt hơn một thập kỷ với kết quả kinh doanh phá vỡ kỷ lục đã được lập ra trước đó: Tổng doanh thu hợp nhất đạt 10.135 tỷ đồng, vượt 49% kế hoạch, tăng trưởng 6% so với năm 2022; LNTT hợp nhất đạt 1.549 tỷ đồng, vượt 128% kế hoạch, tăng trưởng 6% so với năm 2022; Nộp NSNN hợp nhất đạt 522 tỷ đồng, vượt 76% kế hoạch

### GIA TĂNG QUY MÔ VÀ CHẤT LƯỢNG ĐỘI TÀU

Lần đầu tiên, số lượng tàu tiếp nhận đạt mức kỷ lục với 12 tàu, nâng tổng số đội tàu lên đến 51 chiếc đa dạng chủng loại với tổng trọng tải khoảng 1,4 triệu DWT. Thành quả này có được chủ yếu nhờ việc sắp xếp thứ tự ưu tiên dự án, phân kỳ đầu tư cùng với việc phân cấp đầu tư nhằm gia tăng cơ hội đầu tư và khơi thông nguồn lực phát triển

### CHUYỂN NGHIỆP HÓA CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Từng bước xây dựng bộ máy quản trị công ty hướng đến các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Năm 2023 đánh dấu sự ra đời của các tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm tiểu ban KT & QTRR, NS & LT, giúp nâng tầm thực thi lên mức chuyên nghiệp, bài bản.

### CAM KẾT TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VỚI CỘNG ĐỒNG

Tiếp tục tạo môi trường làm việc tích cực, duy trì việc làm cùng với chế độ phúc lợi ổn định cho toàn thể CBCNV và thuyền viên. Thu nhập bình quân năm 2023 đạt 28,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 15% so với năm 2022. Ghi danh vào Top 10 Nơi làm việc tốt nhất ngành logistics năm 2023. Song song đó, PVTrans tích cực đẩy mạnh các hoạt động ASXH, tài trợ, thiện nguyện, đền ơn đáp nghĩa,... với tổng số tiền khoảng 8,7 tỷ đồng.



### NÂNG CAO VỊ THẾ VÀ UY TÍN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Cổ phiếu PVT lần đầu tiên lọt vào rổ danh mục của chỉ số MSCI Frontier Markets Index, thể hiện sức hút và niềm tin của nhà đầu tư quốc tế vào tiềm năng phát triển của PVTrans.

Tiếp tục duy trì thứ hạng cao trong Top 10 Công ty uy tín ngành Logistics năm 2023, thăng hạng đáng kể trên bảng xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp Lớn nhất Việt Nam và vinh danh giải thưởng “Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á” (Corporate Excellence Award) năm 2023 của APEA.

Đặc biệt, sau 3 năm nỗ lực cải thiện chất lượng quản trị, một lần nữa PVTrans được Forbes Vietnam xướng danh trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất năm 2023. Lần đầu tiên đạt giải thưởng IR Awards đối với hạng mục Top 3 Mid Cap có hoạt động IR được Định chế tài chính đánh giá cao nhất

# ĐIỂM NHẤN NĂM 2023

# MỤC LỤC

## 01

### THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát.....	15
Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi.....	15
Ngành nghề, địa bàn kinh doanh.....	16
Mô hình quản trị.....	16
Sơ đồ tổ chức.....	17
HDQT, BKS, BTGD PVTrans.....	18-20
Đơn vị thành viên.....	22-23
Các cột mốc lịch sử.....	24-25
Định hướng phát triển.....	26
Các rủi ro.....	27

## 03

### BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá chung.....	38
Đánh giá từng lĩnh vực.....	40-41
Nhận định thị trường 2024.....	42-43

## 05

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách HDQT, BKS, BTGD, KTT, PTQT Công ty.....	50
Hội đồng Quản trị.....	51-53
TV HDQT độc lập.....	54
Các tiểu ban thuộc HDQT.....	55
Ban Kiểm soát.....	58-59

## 02

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Tổng quan ngành vận tải biển năm 2023.....	30
Kết quả kinh doanh.....	31
Tình hình đầu tư.....	32
Tình hình tài chính.....	33-34
Tình hình nhân sự - đào tạo.....	34
Cơ cấu cổ đông.....	35

## 04

### ĐÁNH GIÁ CỦA HDQT NĂM 2023

Đánh giá của HDQT về hoạt động của BTGD.....	46
Kế hoạch, định hướng của HDQT.....	47

## 06

### BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường.....	62
Công tác bảo đảm an toàn lao động.....	63-64
Công tác bảo vệ môi trường.....	65
Chính sách phúc lợi lao động.....	66
Hoạt động trách nhiệm xã hội.....	67
Kết quả thực hiện.....	69

## 07

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH



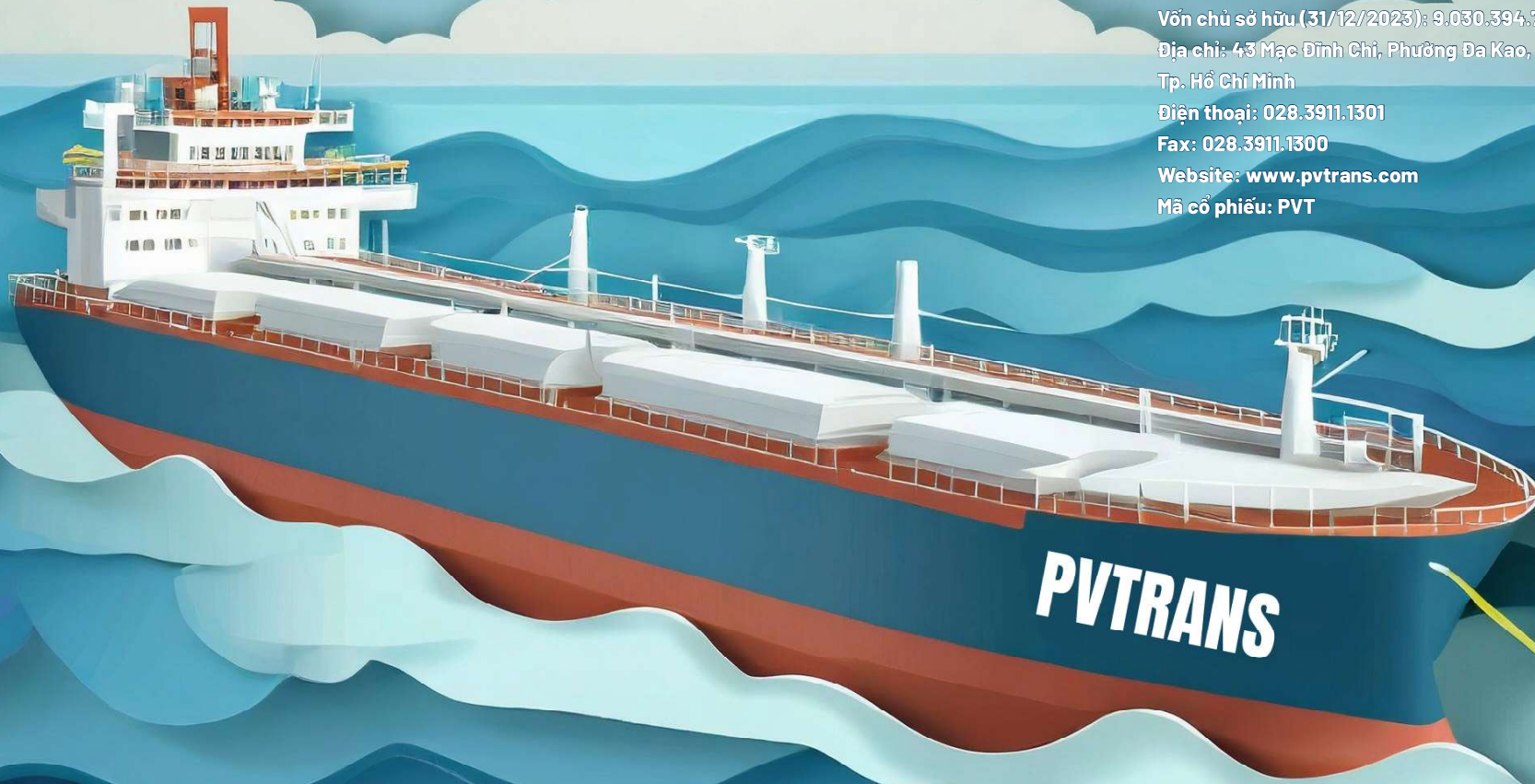
01

THÔNG TIN CHUNG



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty: Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí  
Giấy CNĐKD số: 0302743192  
Vốn điều lệ (31/12/2023): 3.236.512.460.000 đồng  
Vốn chủ sở hữu (31/12/2023): 9.030.394.792.063 đồng  
Địa chỉ: 43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận 1,  
Tp. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028.3911.1301  
Fax: 028.3911.1300  
Website: [www.pvtrans.com](http://www.pvtrans.com)  
Mã cổ phiếu: PVT



## TÂM NHÌN

Giữ vững vị trí là công ty vận tải và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam, đảm bảo việc phát triển ổn định, bền vững, có năng lực cạnh tranh cao. Xây dựng phát triển PVTrans trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực và quốc tế.

## SỨ MỆNH

Tham gia đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia. Đáp ứng tốt nhất nhu cầu dịch vụ vận tải và hàng hải dầu khí. Kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông, quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho người lao động, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Duy trì và nâng cao chất lượng đội tàu, trình độ thuyền viên, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong vận hành khai thác, tuân thủ chặt chẽ các quy định của quốc tế và trong nước về an toàn hàng hải. Luôn luôn đoàn kết, hỗ trợ, đồng lòng. Gắn trách nhiệm cá nhân với hiệu quả công việc và tuân thủ kỷ cương nội bộ. Đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng và đảm bảo sự thành công của họ cũng chính là đảm bảo thành công của PVTrans. Cam kết gia tăng giá trị cho cổ đông, cam kết an toàn lao động, đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên, cam kết cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp với khách hàng, cam kết về an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Sẵn sàng đón nhận thay đổi và không ngừng sáng tạo và tự đổi mới trong công việc.

## NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- 🚢 Vận chuyển dầu thô, dầu sản phẩm
- 🚢 Vận chuyển hóa chất
- 🚢 Vận tải khí hóa lỏng
- 🚢 Vận tải hàng rời
- 🚢 Dịch vụ kỹ thuật dầu khí
- 🚢 Dịch vụ hàng hải và logistics



### ĐỊA BÀN KINH DOANH

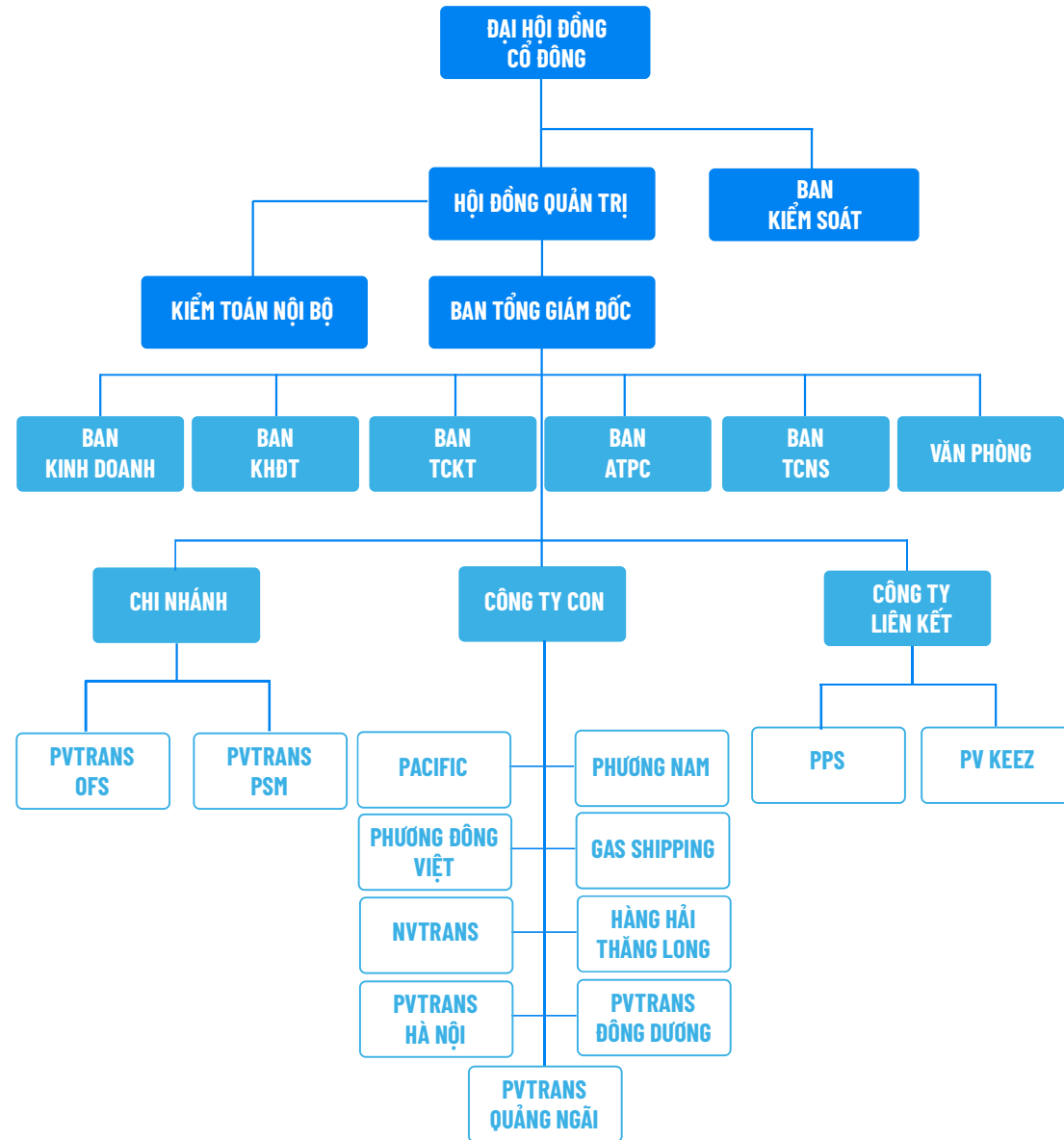
PVTrans hoạt động ở cả thị trường trong nước và nước ngoài, trong đó **85%** đội tàu của PVTrans hiện đang được khai thác tại các thị trường quốc tế.



### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

PVTrans là công ty đại chúng quy mô lớn, đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) với mã cổ phiếu PVT. PVTrans là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - cổ đông nắm giữ 51% vốn điều lệ của PVTrans. Phần vốn còn lại được hàng nghìn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nắm giữ. PVTrans hoạt động theo mô hình Tổng công ty Mẹ - con, được tổ chức theo mô hình quản trị công ty cổ phần quy định tại Khoản 1a Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc, tuân thủ các quy định và chuẩn mực quản trị của doanh nghiệp đại chúng niêm yết.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**ÔNG PHẠM VIỆT ANH**  
CHỦ TỊCH HĐQT  
Năm sinh: 1971

Kinh nghiệm làm việc:  
Ông Phạm Việt Anh có hơn 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải, dầu khí và quản lý điều hành.

Trình độ chuyên môn:  
. Thạc sỹ sĩ Quản trị kinh doanh  
. Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy  
. Cử nhân Kinh tế  
. Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)

**7** Thành viên HĐQT

**3** Thành viên Ban kiểm soát

**5** Thành viên Ban TGD



**ÔNG NGUYỄN DUYÊN HIẾU**  
ỦY VIÊN HĐQT  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Năm sinh: 1975

Kinh nghiệm làm việc:  
Ông Nguyễn Duyên Hiếu có hơn 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí, hàng hải và vận tải.

Trình độ chuyên môn:  
. Thạc sĩ Quản lý hàng hải  
. Kỹ sư Địa chất dầu khí  
. Cử nhân QLĐN  
. Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)



**BÀ NGUYỄN LINH GIANG**  
ỦY VIÊN HĐQT  
Năm sinh: 1978

Kinh nghiệm làm việc:  
Bà Nguyễn Linh Giang có hơn 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán kiểm toán.

Trình độ chuyên môn:  
. Thạc sĩ Quản trị kinh doanh  
. Cử nhân Kinh tế  
. Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)



**BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**  
ỦY VIÊN HĐQT  
Năm sinh: 1973

Kinh nghiệm làm việc:  
Bà Nguyễn Thị Thu Hương có hơn 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí.

Trình độ chuyên môn:  
. Thạc sĩ



**ÔNG NGUYỄN ĐÌNH THANH**  
ỦY VIÊN HĐQT  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Năm sinh: 1974

Kinh nghiệm làm việc:  
Ông Nguyễn Đình Thanh có hơn 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải và vận tải biển.

Trình độ chuyên môn:  
. Tiến sĩ Kỹ thuật  
. Kỹ sư điều khiển tàu biển  
. Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)



**ÔNG HOÀNG ĐỨC CHÍNH**  
ỦY VIÊN HĐQT  
Năm sinh: 1971

Kinh nghiệm làm việc:  
Ông Hoàng Đức Chính có hơn 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải và vận tải biển.

Trình độ chuyên môn:  
. Kỹ sư điều khiển tàu biển  
. Kỹ sư kinh tế vận tải biển  
. Thạc sĩ Quản lý và khai thác tàu biển  
. Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)



**ÔNG ĐOÀN ĐÌNH THÁI**  
ỦY VIÊN HĐQT  
Năm sinh: 1956

Kinh nghiệm làm việc:  
Ông Đoàn Đình Thái có hơn 45 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí.

Trình độ chuyên môn:  
. Tiến sĩ địa chất thăm dò  
. Kỹ sư địa chất

# BAN KIỂM SOÁT



**BÀ TRƯƠNG THỊ ANH ĐÀO**  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT  
Năm sinh: 1974

Kinh nghiệm làm việc:  
Bà Trương Thị Anh Đào có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí, TCKT.

Trình độ chuyên môn:  
. Cử nhân Kinh tế  
. Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



**BÀ NGÔ THỊ THU LINH**  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
Năm sinh: 1973

Kinh nghiệm làm việc:  
Bà Ngô Thị Thu Linh có hơn 24 năm trong lĩnh vực pháp chế.

Trình độ chuyên môn:  
. Thạc sĩ Luật  
. Cử nhân tiếng Anh  
. Cử nhân Thương mại quốc tế



**BÀ NGUYỄN THỊ NHUNG**  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
Năm sinh: 1974

Kinh nghiệm làm việc:  
Bà Nguyễn Thị Nhung có hơn 28 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán.

Trình độ chuyên môn:  
. Cử nhân Kế toán Tài chính  
. Cử nhân Quản trị Du lịch, Khách sạn

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**ÔNG NGUYỄN DUYÊN HIẾU**  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Năm sinh: 1975

Kinh nghiệm làm việc:  
Ông Nguyễn Duyên Hiếu có hơn 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí, hàng hải và vận tải.

Trình độ chuyên môn:  
. Thạc sĩ Quản lý hàng hải  
. Kỹ sư Địa chất Dầu khí  
. Cử nhân QLDN  
. Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)



**ÔNG NGUYỄN ĐÌNH THANH**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Năm sinh: 1974

Kinh nghiệm làm việc:  
Ông Nguyễn Đình Thanh có hơn 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải và vận tải biển.

Trình độ chuyên môn:  
. Tiến sĩ kỹ thuật  
. Kỹ sư điều khiển tàu biển  
. Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)



**ÔNG LÊ MẠNH TUẤN**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Năm sinh: 1968

Kinh nghiệm làm việc:  
Ông Lê Mạnh Tuấn có hơn 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch kinh doanh và đầu tư trong và ngoài ngành dầu khí.

Trình độ chuyên môn:  
. Kỹ sư Kinh tế Hóa chất  
. Cử nhân Tài chính Kế toán  
. Chứng chỉ Thành viên Hội đồng quản trị (VIOD)



**ÔNG NGUYỄN VIẾT LONG**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Năm sinh: 1969

Kinh nghiệm làm việc:  
Ông Nguyễn Viết Long có hơn 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải biển, hàng hải và dầu khí.

Trình độ chuyên môn:  
. Kỹ sư Hàng hải  
. Quản trị Doanh nghiệp



**ÔNG NGUYỄN QUỐC THỊNH**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Năm sinh: 1976

Kinh nghiệm làm việc:  
Ông Nguyễn Quốc Thịnh có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí.

Trình độ chuyên môn:  
. Cử nhân Kinh tế  
. Cử nhân Luật



## Đơn vị thành viên

### Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương



- . Ngày thành lập: 28/01/2008
- . Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Quận 1, HCM
- . Vốn điều lệ: 942.750.280.000 đồng
- . Ngành nghề kinh doanh: vận tải dầu thô, cung cấp dịch vụ cho thuê tàu biển tại thị trường trong và ngoài nước bao gồm tàu chứa xuất dầu thô FSO và tàu chở dầu thô Aframax.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 64,92%

### Công ty CP Vận tải Xăng dầu Phương Nam



- . Ngày thành lập: 11/04/2008
- . Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Quận 1, HCM
- . Vốn điều lệ: 582.565.080.000 đồng
- . Ngành nghề kinh doanh: vận tải xăng dầu, dầu sản phẩm trong nước và quốc tế; quản lý và khai thác các tàu dầu/hóa chất cỡ trung bình từ 20.000 DWT trở lên trên các tuyến quốc tế.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 69,63%

### Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt



- . Ngày thành lập: 20/04/2007
- . Trụ sở chính: P806, lầu 8 Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu, P. Đa Kao, Quận 1, HCM
- . Vốn điều lệ: 430.873.310.000 đồng
- . Ngành nghề kinh doanh: Khai thác các tàu dầu/hóa chất cỡ vừa khoảng 13.000-20.000 DWT và tàu hàng rời trên các tuyến quốc tế; cung cấp dịch vụ quản lý kỹ thuật, đào tạo, cấp chứng chỉ chuyên môn cho thuyền viên.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 51,87%

### Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế



- . Ngày thành lập: 24/12/2007
- . Trụ sở chính: Tầng 13, Tòa nhà Sofic, Số 10 Mai Chí Thọ, P. Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP. HCM
- . Vốn điều lệ: 557.994.450.000 đồng
- . Ngành nghề kinh doanh: Vận chuyển khí hóa lỏng trong nước, cung cấp dịch vụ cho thuê tàu chở khí hóa lỏng và dầu/hóa chất trên các tuyến quốc tế.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 67,98%

### Công ty CP Vận tải Nhật Việt



- . Ngày thành lập: 08/05/2009
- . Trụ sở chính: 151 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Quận 1, HCM
- . Vốn điều lệ: 1.050.000.000.000 đồng
- . Ngành nghề kinh doanh: Vận chuyển khí hóa lỏng trong nước; cung cấp dịch vụ quản lý tàu, dịch vụ cho thuê tàu chở khí hóa lỏng và hàng rời trên các tuyến quốc tế.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 51,00%

### Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương



- . Ngày thành lập: 25/07/2007
- . Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- . Vốn điều lệ: 164.931.720.000 đồng
- . Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ vận tải vận tải dầu/hóa chất, vận tải đường bộ, dịch vụ cho thuê xe bốn CNG.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 54,08%

### Công ty CP Hàng Hải Thăng Long



- . Ngày thành lập: 26/11/2010
- . Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Quận 1, HCM
- . Vốn điều lệ: 231.232.000.000 đồng
- . Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ vận chuyển dầu/ hóa chất và dịch vụ hàng hải dầu khí.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 99,85%

### Công ty CP Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi



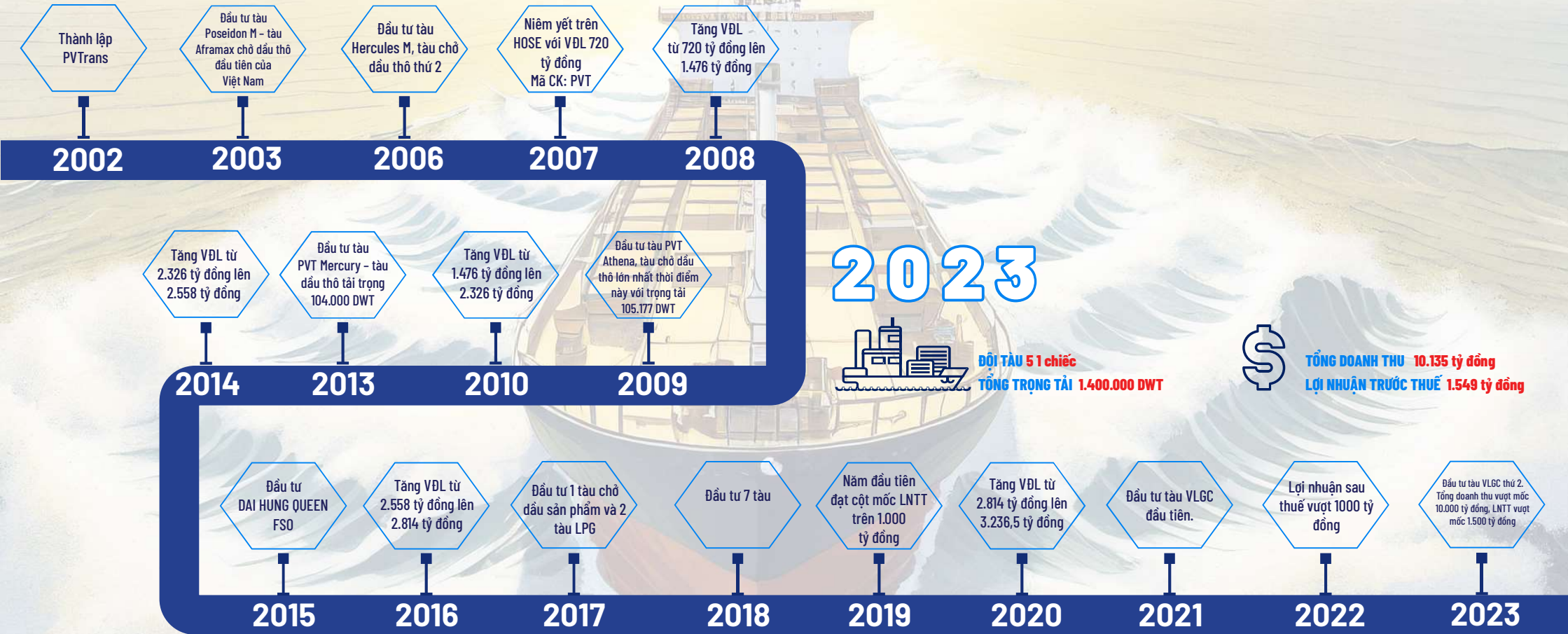
- . Ngày thành lập: 07/12/2010
- . Trụ sở chính: Lô CN08, đường số 6, KCN Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi
- . Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng
- . Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải, kinh doanh chiết nạp LPG chai và vận chuyển hạt nhựa bằng đường bộ.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 50,67%

### Công ty CP Vận tải Dầu khí Hà Nội



- . Ngày thành lập: 26/11/2010
- . Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Oriental, Số 324 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
- . Vốn điều lệ: 269.465.000.000 đồng
- . Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ vận tải hàng rời và vận tải dầu/hóa chất.
- . Tỷ lệ sở hữu của PVTrans: 50,50%

## CÁC CỘT MỐC LỊCH SỬ



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Duy trì vị thế doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải hàng lỏng và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam. Củng cố, phát triển trở thành thương hiệu vận tải mạnh, uy tín, mở rộng hoạt động khai thác các tuyến quốc tế và từng bước tham gia chuỗi vận chuyển cung ứng toàn cầu.

Huy động và đa dạng hóa nguồn vốn trong nước và quốc tế để đầu tư phát triển. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng và tương xứng với quy mô phát triển. Đổi mới cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị phù hợp với quy mô và phạm vi phát triển mới

### MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2025

Đối với hoạt động SXKD, PVTrans phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD 5 năm 2021-2025 trong đó, tổng doanh thu hợp nhất của PVTrans dự kiến từ 39.500-42.000 tỷ đồng, phần đầu tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến từ 4.900-6.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất dự kiến đạt 3.800-4.500 tỷ đồng.

Đối với thị trường trong nước: đảm bảo đáp ứng toàn bộ yêu cầu vận tải nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra cho các dự án lọc hóa dầu, dự án khí và các nhà máy điện than của Tập đoàn và các đối tác bên ngoài. Đối với thị trường quốc tế: không ngừng tìm kiếm, phát triển, mở rộng thị trường quốc tế để mang lại ít nhất 70% trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận vận tải của toàn Tổng công ty.

Thực hiện và phát huy vai trò định hướng của Công ty mẹ đối với các DVTV, tăng cường công tác quản lý vốn đảm bảo tất cả các DVTV đều hoạt động ổn định và có hiệu quả, qua đó bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông, quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho NLD, bảo vệ môi trường, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội

## CÁC RỦI RO

### RỦI RO THỊ TRƯỜNG

**Nhận diện:** Đội tàu hoạt động phần lớn ở tuyến quốc tế nên có rủi ro thị trường khi nhu cầu vận tải và giá cước biến động; đồng thời cũng chịu sự cạnh tranh với các công ty nước ngoài có quy mô lớn.

#### Quản lý, giám sát:

- ☑️ Bám sát diễn biến thị trường để triển khai các phương án khai thác đội tàu linh hoạt và đa dạng hình thức để giảm thiểu rủi ro khi thị trường biến động.
- ☑️ Tăng cường công tác quản lý quản trị, kiểm soát tốt các định mức tiêu hao nhằm tiết giảm chi phí vận hành mà vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh đảm bảo giữ vững thị phần trong nước và mở rộng, phát triển thị phần quốc tế.
- ☑️ Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng thị trường, khai thác tối đa công suất đội tàu.

### RỦI RO LÃI SUẤT, TỶ GIÁ

**Nhận diện:** Lãi suất, tỷ giá biến động ảnh hưởng đến chi phí tài chính.

#### Quản lý, giám sát:

- ☑️ Tìm kiếm, đàm phán với các tổ chức tín dụng để có được mức lãi suất vay và điều khoản vay tốt nhất cho dự án.
- ☑️ Nghiên cứu, dự báo và phân tích kịch bản nhằm đưa ra phương án tài chính phù hợp với tình hình biến động của thị trường.

### RỦI RO CHI PHÍ NHIÊN LIỆU

**Nhận diện:** Chi phí nhiên liệu chiếm khoảng 40-45% chi phí vận hành. Khi giá dầu, giá nhiên liệu biến động làm ảnh hưởng đến chi phí và hiệu quả hoạt động.

#### Quản lý, giám sát:

- ☑️ Tăng cường theo dõi và dự báo về giá nhiên liệu, giá cước vận tải để đề ra chiến lược và kế hoạch ứng phó kịp thời.
- ☑️ Đội tàu khai thác phần lớn theo hình thức cho thuê định hạn nên cũng ít bị ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động giá nhiên liệu.



### RỦI RO PHÁP LÝ

**Nhận diện:** PVTrans là công ty niêm yết quy mô lớn nên chịu tác động của hệ thống văn bản pháp luật bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan.

#### Quản lý, giám sát:

- ☑️ Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, đồng thời rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nội bộ đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật và các cơ quan có thẩm quyền.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Duy trì vị thế doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải hàng lỏng và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam. Củng cố, phát triển trở thành thương hiệu vận tải mạnh, uy tín, mở rộng hoạt động khai thác các tuyến quốc tế và từng bước tham gia chuỗi vận chuyển cung ứng toàn cầu.

Huy động và đa dạng hóa nguồn vốn trong nước và quốc tế để đầu tư phát triển. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng và tương xứng với quy mô phát triển. Đổi mới cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị phù hợp với quy mô và phạm vi phát triển mới

### MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2025

Đối với hoạt động SXKD, PVTrans phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD 5 năm 2021-2025 trong đó, tổng doanh thu hợp nhất của PVTrans dự kiến từ 39.500-42.000 tỷ đồng, phần đầu tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến từ 4.900-6.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất dự kiến đạt 3.800-4.500 tỷ đồng.

Đối với thị trường trong nước: đảm bảo đáp ứng toàn bộ yêu cầu vận tải nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra cho các dự án lọc hóa dầu, dự án khí và các nhà máy điện than của Tập đoàn và các đối tác bên ngoài. Đối với thị trường quốc tế: không ngừng tìm kiếm, phát triển, mở rộng thị trường quốc tế để mang lại ít nhất 70% trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận vận tải của toàn Tổng công ty.

Thực hiện và phát huy vai trò định hướng của Công ty mẹ đối với các DVTV, tăng cường công tác quản lý vốn đảm bảo tất cả các DVTV đều hoạt động ổn định và có hiệu quả, qua đó bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông, quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho NLD, bảo vệ môi trường, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội

## CÁC RỦI RO

### RỦI RO THỊ TRƯỜNG

**Nhận diện:** Đội tàu hoạt động phần lớn ở tuyến quốc tế nên có rủi ro thị trường khi nhu cầu vận tải và giá cước biến động; đồng thời cũng chịu sự cạnh tranh với các công ty nước ngoài có quy mô lớn.

#### Quản lý, giám sát:

- ☑️ Bám sát diễn biến thị trường để triển khai các phương án khai thác đội tàu linh hoạt và đa dạng hình thức để giảm thiểu rủi ro khi thị trường biến động.
- ☑️ Tăng cường công tác quản lý quản trị, kiểm soát tốt các định mức tiêu hao nhằm tiết giảm chi phí vận hành mà vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh đảm bảo giữ vững thị phần trong nước và mở rộng, phát triển thị phần quốc tế.
- ☑️ Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng thị trường, khai thác tối đa công suất đội tàu.

### RỦI RO LÃI SUẤT, TỶ GIÁ

**Nhận diện:** Lãi suất, tỷ giá biến động ảnh hưởng đến chi phí tài chính.

#### Quản lý, giám sát:

- ☑️ Tìm kiếm, đàm phán với các tổ chức tín dụng để có được mức lãi suất vay và điều khoản vay tốt nhất cho dự án.
- ☑️ Nghiên cứu, dự báo và phân tích kịch bản nhằm đưa ra phương án tài chính phù hợp với tình hình biến động của thị trường.

### RỦI RO CHI PHÍ NHIÊN LIỆU

**Nhận diện:** Chi phí nhiên liệu chiếm khoảng 40-45% chi phí vận hành. Khi giá dầu, giá nhiên liệu biến động làm ảnh hưởng đến chi phí và hiệu quả hoạt động.

#### Quản lý, giám sát:

- ☑️ Tăng cường theo dõi và dự báo về giá nhiên liệu, giá cước vận tải để đề ra chiến lược và kế hoạch ứng phó kịp thời.
- ☑️ Đội tàu khai thác phần lớn theo hình thức cho thuê định hạn nên cũng ít bị ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động giá nhiên liệu.



### RỦI RO PHÁP LÝ

**Nhận diện:** PVTrans là công ty niêm yết quy mô lớn nên chịu tác động của hệ thống văn bản pháp luật bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan.

#### Quản lý, giám sát:

- ☑️ Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, đồng thời rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nội bộ đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật và các cơ quan có thẩm quyền.







102

TÌNH HÌNH  
HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

## TỔNG QUAN NGÀNH VẬN TẢI BIỂN NĂM 2023

Từ đầu năm 2023, nền kinh tế toàn cầu đã hy vọng khởi sắc khi Covid chính thức bị đẩy lùi, Trung Quốc mở cửa nền kinh tế, các chỉ số tiêu dùng và việc làm các nước được cải thiện. Tuy nhiên, lãi suất và lạm phát tại các nền kinh tế lớn vẫn duy trì ở mức cao, căng thẳng địa chính trị đến từ chiến tranh Nga-Ukraine chưa có hồi kết và xung đột tại dải Gaza leo thang đã gây tác động tiêu cực đến sự tăng trưởng và ổn định của nền kinh tế toàn cầu. Đánh giá chung thì tình hình khó khăn nhiều hơn thuận lợi.

**Thị trường dầu thô** tiếp tục biến động bởi bất ổn địa chính trị và mối lo ngại về nguồn cung. Sau khi lập đỉnh vào tháng 06/2022, giá dầu thô đã suy giảm liên tục cho đến giữa năm 2023, sau đó phục hồi ấn tượng lên mức 95 USD/thùng vào cuối tháng 09/2023. Tuy nhiên, xung đột tại dải Gaza và sự suy giảm nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc và Ấn Độ đã giá dầu kéo giá dầu giảm trở lại và dao động quanh mức 80 USD/thùng.

**Thị trường vận tải biển** biến động liên tục và ghi nhận sự phân hóa mạnh giữa các phân khúc vận tải. Thị trường vận tải hàng lỏng đã điều chỉnh giảm nhưng vẫn duy trì xu hướng tích cực chủ yếu do nhu cầu vận chuyển tiếp tục tăng trưởng trong bối cảnh nguồn cung tàu giới hạn. Trong khi đó, phân khúc vận tải hàng rời dù đã có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn duy trì ở mức thấp hơn so với đỉnh năm 2021 và nửa đầu năm 2022.

### THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI DẦU THÔ

Thị trường duy trì xu hướng tích cực do sản lượng xuất khẩu khu vực Đại Tây Dương, nhu cầu tiêu thụ Trung Quốc tăng trưởng mạnh mẽ cùng với sự thay đổi dòng chảy thương mại do lệnh cấm vận của EU lên dầu thô của Nga. Theo báo cáo của Clarksons, khối lượng luân chuyển dầu thô bằng đường biển (tonne miles) tăng **5,2%** trong khi đội tàu dầu thô chỉ tăng trưởng ở mức **3,7%** trong năm 2023. Giá cước cho thuê định hạn (TC) thời hạn 01 năm bình quân ở các phân khúc VLCC và Aframax tăng lần lượt khoảng **61,1%** và **66,6%** so với bình quân năm 2022.

### THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI DẦU SẢN PHẨM

Cùng chung xu hướng với thị trường vận tải dầu thô, thị trường này cũng tiếp tục đà tăng mạnh ở các phân khúc. Theo báo cáo của Clarksons, khối lượng luân chuyển dầu sản phẩm bằng đường biển (tonne miles) tăng **7,4%** trong khi nguồn cung tàu tăng trưởng khiếm tốn ở mức **1,9%**. Thị trường cho thuê định hạn tăng trưởng tích cực trong năm 2023 với giá TC thời hạn 01 năm phân khúc MR và Handysize đều tăng lần lượt khoảng **30,4%** và **40,4%** so với bình quân năm 2022.

### THỊ TRƯỜNG VẬN CHUYỂN HÓA CHẤT

Thị trường vận chuyển hóa chất quay đầu phục hồi trong những tháng cuối năm 2023 sau khi điều chỉnh giảm trước đó. Theo báo cáo của Clarksons, khối lượng hóa chất luân chuyển bằng đường biển (tonne miles) tăng khoảng **2,8%** so với năm 2022. Giá TC thời hạn 01 năm phân khúc tàu hóa chất 13.000 DWT và 19.999 DWT đang ở mức cao, tăng trưởng lần lượt **32,1%** và **25,4%** so với bình quân năm 2022.

### THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI KHÍ LPG

Thị trường vận tải khí LPG cải thiện đáng kể trong năm 2023, đặc biệt phân khúc tàu cỡ lớn VLGC. Theo báo cáo của Clarksons, cân cân thị trường tương đối cân bằng khi khối lượng luân chuyển LPG bằng đường biển và nguồn cung tàu tăng trưởng lần lượt khoảng **10,8%** và **10,7%**. Yếu tố hỗ trợ thị trường chủ yếu đến từ sự chênh lệch giá propane giữa Mỹ và châu Á và gián đoạn trên kênh đào Panama do tình trạng hạn chế môn nước. Thị trường tàu VLGC tăng trưởng mạnh mẽ và đạt mức cao kỷ lục trong 5 năm trở lại đây với giá TC thời hạn 01 năm bình quân năm 2023 cao hơn **54,8%** so với năm 2022. Đối với phân khúc tàu định áp, giá TC ghi nhận sự khác biệt về xu hướng giữa 2 khu vực khi bờ Đông giảm nhẹ **1,6%** trong khi bờ Tây tăng **6,5%** so với bình quân năm 2022.



## KẾT QUẢ KINH DOANH

Nhờ có sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, PVTrans đã chủ động, linh hoạt đưa ra nhiều giải pháp để tận dụng cơ hội thị trường đồng thời khắc phục khó khăn, duy trì sản xuất ổn định an toàn, hiệu quả và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	Tỷ lệ so với 2022	Tỷ lệ hoàn thành KH
<b>I Hợp nhất</b>						
1	Tổng doanh thu	9.577	6.800	10.135	106%	149%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.457	680	1.549	106%	228%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.156	538	1.222	106%	227%
4	Nộp ngân sách	521	296	522	100%	176%
<b>II Công ty mẹ</b>						
1	Tổng doanh thu	3.477	2.550	3.615	104%	142%
2	Lợi nhuận trước thuế	631	430	884	140%	206%
3	Lợi nhuận sau thuế	522	373	736	141%	197%
4	Nộp ngân sách	239	170	267	112%	157%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023

### THỊ TRƯỜNG VẬN CHUYỂN HÀNG RỜI

Thị trường vận chuyển hàng rời trong năm 2023 tiếp tục biến động do nhu cầu vận chuyển chưa có dấu hiệu tăng trưởng khả quan. Theo báo cáo của Clarksons, khối lượng luân chuyển hàng rời bằng đường biển và nguồn cung tàu tăng trưởng lần lượt khoảng **4,8%** và **3,1%**. Thị trường có xu hướng tăng trong những tháng cuối năm nhưng vẫn duy trì ở mức thấp, theo đó giá cước cho thuê định hạn kỳ hạn 01 năm bình quân năm 2023 đối với phân khúc Supramax và Handysize lần lượt giảm **37,1%** và **41,3%** so với năm 2022.

### THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

NMLD Dung Quất đã hoạt động liên tục với hơn **100%** công suất để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước. Sau khi dừng hoạt động để bảo dưỡng sửa chữa định kỳ theo kế hoạch từ tháng 8-10/2023, NMLHD Nghi Sơn đã đi vào hoạt động ổn định trở lại và tiếp tục cung cấp mật hàng xăng dầu cho thị trường. Nhu cầu vận tải xăng dầu và khí trong nước ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động SXKD của PVTrans ở thị trường nội địa.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

### ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

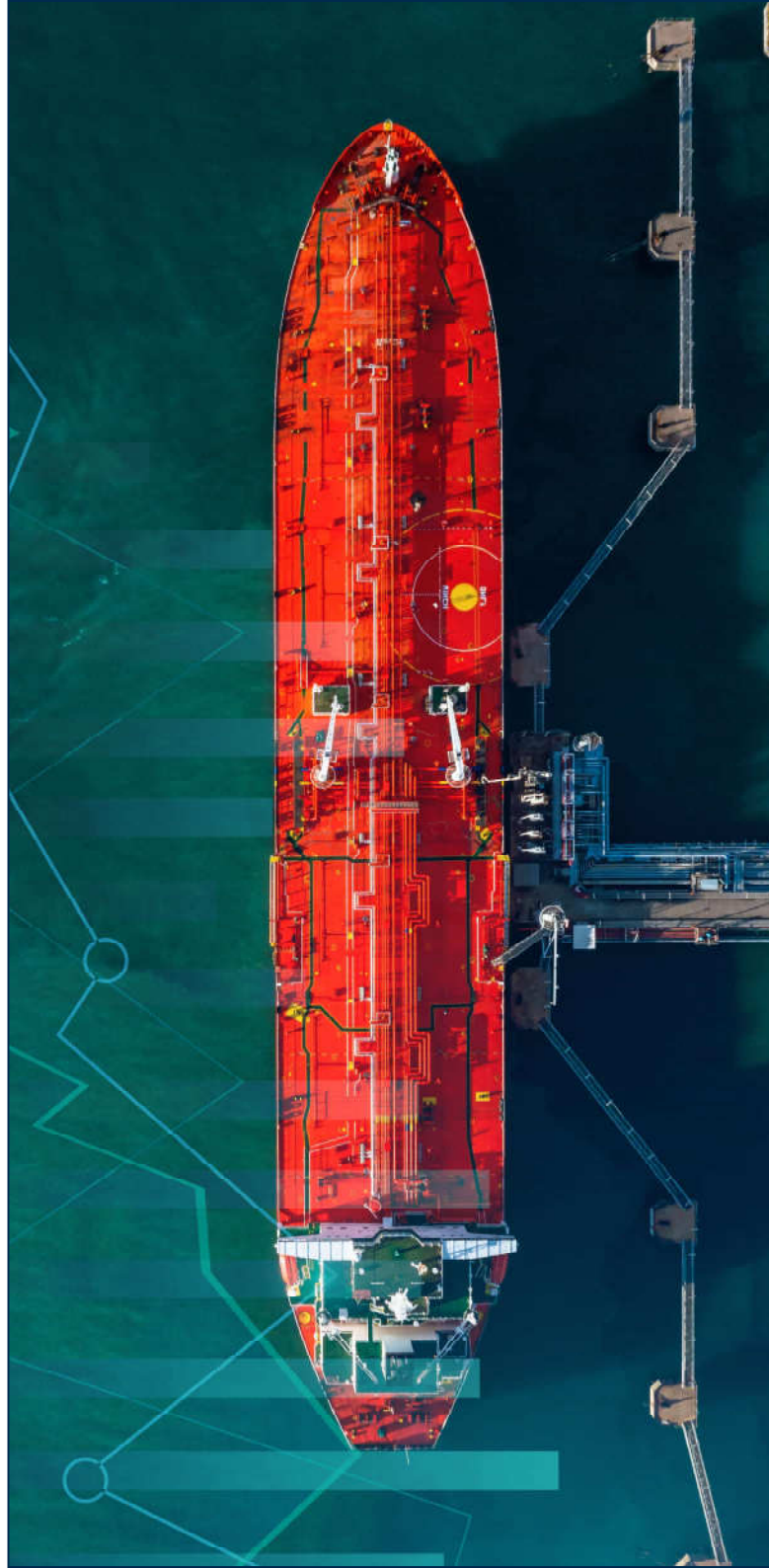
PVTrans đã đầu tư 62,6 tỷ đồng thông qua góp vốn mua cổ phần phát hành thêm vào Công ty Phương Đông Việt và mua cổ phiếu trên sàn để nâng tỷ lệ sở hữu lên 52,47% VDL tại Công ty Đông Dương.

### ĐẦU TƯ DỰ ÁN MUA TÀU

Năm 2023, PVTrans đã tận dụng tốt cơ hội thị trường, nỗ lực hoàn thành công tác đầu tư 07 tàu gồm 02 tàu chở dầu/hóa chất (PVT Clara, PVT Jupiter), 03 tàu MR (PVT Solana, PVT Avira, Pacific Era), 01 tàu chở hàng rời Supramax (PVT Pearl) và 01 tàu chở khí hóa lỏng VLGC (Global Liberty).

Bên cạnh đó, thông qua hình thức thuê tàu trần kèm theo nghĩa vụ/quyền mua (thuê mua bareboat), ĐVTV của PVTrans cũng đã tiếp nhận 5 tàu thuê mua bareboat, bao gồm 02 tàu chở khí LPG (MT Iris và Morning Kate), 01 tàu chở hàng rời (Nord Hakata) và 02 tàu chở dầu/hóa chất (NV Minerva và NV Athena).

Trong năm, PVTrans cũng thực hiện thanh lý 02 tàu (PVT Dragon và Apollo Pacific)



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản của PVTrans tại ngày 31/12/2023 đạt mức 17.490 tỷ đồng, tăng 23% so với năm trước, chủ yếu là tăng ở tài sản cố định do đầu tư tàu. Trong cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm khoảng 36% và không biến động nhiều so với thời điểm đầu năm.

Tài sản cố định chiếm 58% tổng tài sản, chủ yếu là giá trị tàu, là nguồn tạo ra doanh thu, lợi nhuận chính của PVTrans. Hoạt động kinh doanh của PVTrans tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi là vận tải biển nên đội tàu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản là phù hợp.

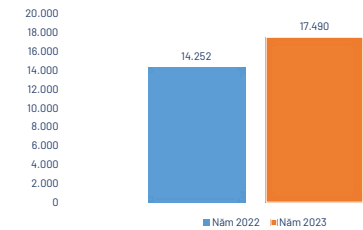
### TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Tổng nguồn vốn của PVTrans tăng mạnh trong năm 2023, trong đó nợ phải trả tăng mạnh ở nợ vay dài hạn và vốn chủ sở hữu tăng do lợi nhuận tích lũy trong năm.

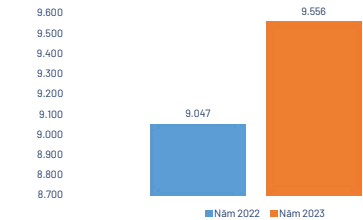
Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023 đạt mức 9.030 tỷ đồng, chiếm 52% tổng tài sản. PVTrans duy trì cơ cấu nguồn vốn tương đối an toàn với tỷ lệ nợ phải trả/vốn CSH là 0,94 lần tại thời điểm cuối năm 2023. Nợ phải trả tại ngày 31/12/2023 đạt mức 8.448 tỷ đồng, tăng khoảng 35% so với năm 2022, chủ yếu do tăng nợ vay dài hạn cho các dự án đầu tư tàu.

Cơ cấu nguồn vốn hợp lý thể hiện khả năng tự chủ về tài chính để đáp ứng nhu cầu đầu tư, phát triển quy mô đội tàu của PVTrans

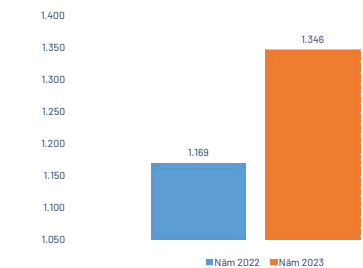
### TỔNG TÀI SẢN



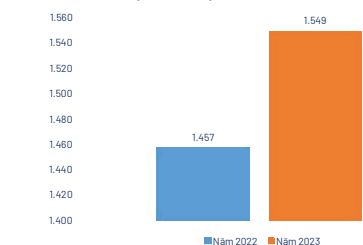
### DOANH THU THUẦN



### LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



### LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,06	1,86
1.2	Hệ số thanh toán nhanh	2,00	1,79
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,44	0,48
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,78	0,94
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về hoạt động</b>		
3.1	Vòng quay hàng tồn kho	46,03	37,47
3.2	Vòng quay tổng tài sản	0,68	0,60
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	12,78%	12,79%
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,42%	13,53%
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,11%	6,98%
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	12,92%	14,09%

### HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN, VỐN

#### Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời duy trì ổn định qua các năm ở mức tương đối cao, cho thấy hoạt động kinh doanh của PVTrans đem lại hiệu quả tốt. Điều này có được chủ yếu nhờ hiệu suất sử dụng tài sản và các giải pháp tối ưu hóa chi phí.

#### Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2023 lần lượt đạt 1,86 và 1,79 lần. Các chỉ số này đang ở mức cao cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của PVTrans là đảm bảo. Nhờ việc tình hình tài chính lành mạnh và ổn định, phù hợp với đặc thù doanh nghiệp, PVTrans có nhiều thuận lợi trong việc thu xếp vốn vay trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.

#### Chỉ số hoạt động

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho năm 2023 là 37,47 lần, tương đương khoảng 10 ngày, tăng so với năm trước nhưng vẫn giữ ở mức tích cực, cho thấy chính sách quản lý hàng tồn kho hiệu quả của PVTrans. Vòng quay tổng tài sản năm 2023 tương đối ổn định ở mức khoảng 0,6, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của PVTrans

### TÌNH HÌNH NHÂN SỰ, ĐÀO TẠO

Tổng số CBCNV tính đến thời điểm 31/12/2023 là 2.341 người, trong đó có 197 lao động nữ, tăng 268 người so với năm 2022.

PVTrans thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ... cho người lao động (NLD) theo đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, PVTrans cũng triển khai các chương

trình bảo hiểm bổ sung như bảo hiểm chăm sóc sức khỏe NLD, bảo hiểm hưu trí tự nguyện...

Bên cạnh đó, PVTrans ban hành các chính sách phúc lợi, đãi ngộ phù hợp cho toàn thể CBCNV bao gồm chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững. Năm 2023, tổng số lượt đào tạo đạt 4.242 lượt người, tương đương 157,1% so với kế hoạch năm. Bên cạnh việc lựa chọn và thiết kế các khóa đào tạo có nội dung phù hợp với thực tiễn hoạt động SXKD, PVTrans cũng tập trung vào việc xây dựng văn hóa học tập, khuyến khích các CBCNV phải có ý thức học tập nghiên cứu để nâng cao trình độ và phát triển năng lực bản thân.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### Cơ cấu cổ đông theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/03/2024

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ		
			Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Tổng cộng
<b>1</b>	<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>18.133</b>	<b>699.607</b>	<b>84.254.305</b>	<b>84.953.912</b>
1.1	Trong nước	17.942	699.607	83.640.737	84.340.344
1.2	Nước ngoài	191	0	613.568	613.568
<b>2</b>	<b>Cổ đông tổ chức</b>	<b>152</b>	<b>0</b>	<b>238.697.334</b>	<b>238.697.334</b>
2.1	Trong nước	76	0	195.557.760	195.557.760
2.2	Nước ngoài	76	0	43.139.574	43.139.574
<b>3</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.285</b>	<b>699.607</b>	<b>322.951.639</b>	<b>323.651.246</b>

### Danh sách cổ đông lớn (từ 5% VBL trở lên) tại thời điểm 20/03/2024

STT	Tên cổ đông	Giấy ĐKKD (tổ chức) hoặc CCCD/Hộ chiếu (cá nhân)	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	0100681592	18 Phố Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	165.066.492	51,00%
	<b>Tổng cộng</b>			<b>165.066.492</b>	<b>51,00%</b>

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2023, PVTrans không có sự thay đổi nào

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

PVTrans không có cổ phiếu quỹ cũng không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2023





03 |

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ  
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## ĐÁNH GIÁ CHUNG

### THUẬN LỢI

📍 Triển vọng thị trường vận tải hàng lỏng quốc tế diễn biến tích cực khi các yếu tố cơ bản vẫn duy trì chủ yếu nhờ nhu cầu vận chuyển tấn hải lý tăng trưởng khá quan trọng trong bối cảnh nguồn cung tàu giới hạn.

📍 Tốc độ tăng lãi suất của các NHTW trên thế giới đã bắt đầu chậm lại và có dấu hiệu đảo chiều đồng thời mặt bằng lãi suất điều hành và lãi suất huy động trong nước đã giảm. Các khoản vay mới có lãi suất tốt hơn, góp phần làm giảm bớt áp lực về chi phí tài chính. PVTrans cũng tích cực đàm phán với các tổ chức tín dụng để giảm lãi suất các khoản vay hiện tại.

📍 Nhu cầu tiêu thụ và vận tải nhiên liệu trong nước ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho mảng vận tải nội địa của PVTrans.

📍 PVTrans tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ từ PVN, cùng sự hợp tác, phối hợp của các doanh nghiệp trong ngành Dầu khí, nhờ đó duy trì vị thế đơn vị vận tải hàng lỏng số 1 Việt Nam.

### THÁCH THỨC

📍 Tình hình kinh tế, chính trị thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp với rủi ro chính đến từ cuộc chiến tranh Nga-Ukraina, xung đột Israel - Hamas và xung đột tại dải Gaza kéo dài chưa có hồi kết. Tăng trưởng kinh tế chậm chạp gây sức ép lên nhu cầu tiêu thụ dầu và nhu cầu vận tải nhiên liệu, từ đó tác động bất lợi tới hoạt động SXKD của PVTrans nói riêng.

📍 Giá tàu đóng mới và tàu qua sử dụng tiếp tục diễn biến phức tạp, trong khi giá cước ở một số phân khúc vận tải biến động nhanh. Đòi hỏi PVTrans phải bám sát diễn biến thị trường để kịp thời đưa ra quyết định đầu tư để nắm bắt cơ hội, đồng thời phải thận trọng tránh bẫy giá, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư.

### ĐIỂM MẠNH

📍 PVTrans tận dụng tốt cơ hội thị trường diễn biến tích cực để đầu tư mở rộng đội tàu, duy trì kết quả kinh doanh tăng trưởng, doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

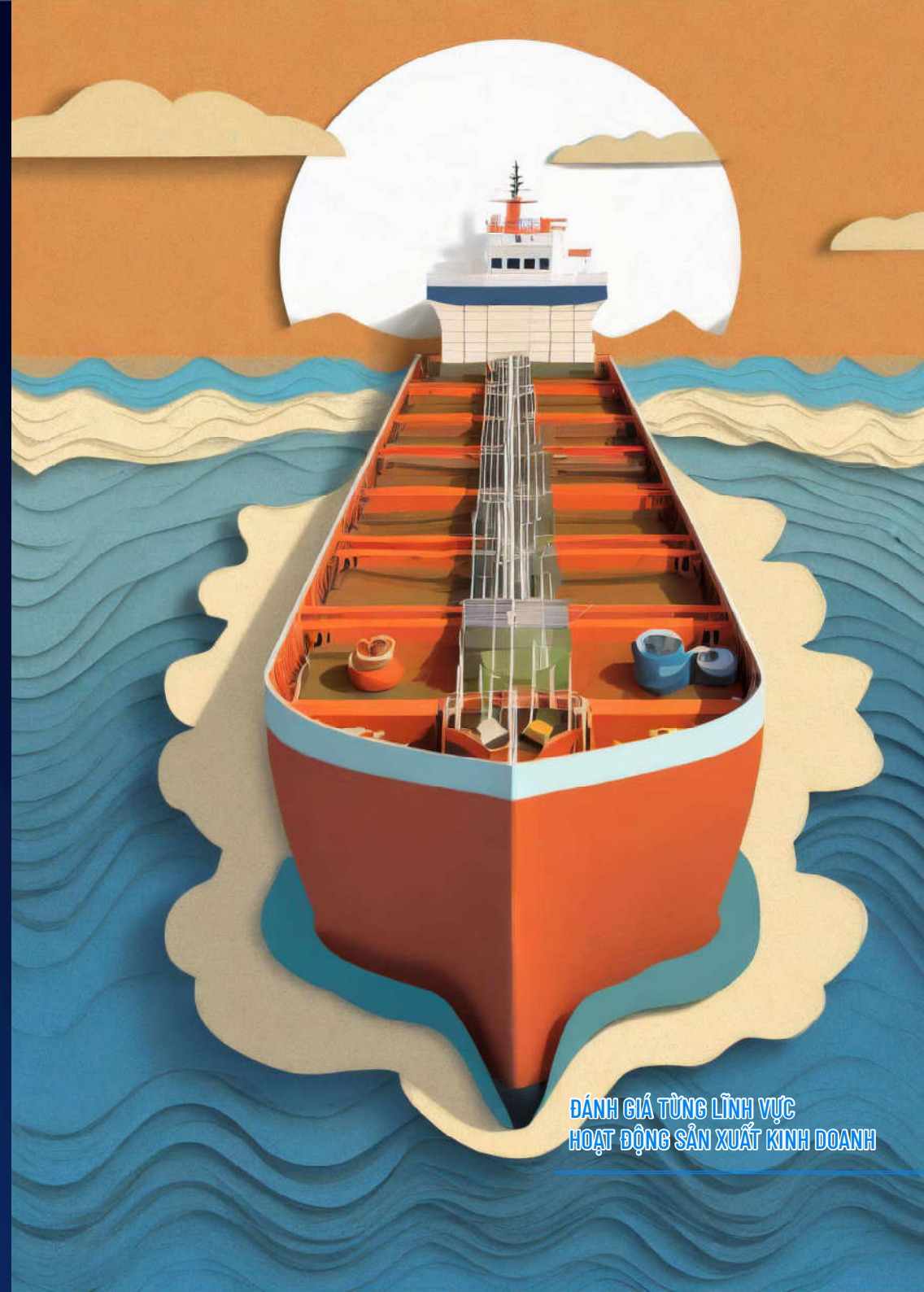
📍 Thương hiệu và hình ảnh của PVTrans trong ngành dầu khí và vận tải biển không ngừng được nâng cao, tạo sự tin nhiệm cao đối với khách hàng, đối tác, các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

📍 Tiềm lực tài chính vững mạnh và không ngừng cải thiện, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư phục vụ mục tiêu mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động.

📍 Tập thể lãnh đạo, CBCNV và thuyền viên phát huy tinh thần đoàn kết trên dưới một lòng, quyết tâm hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

### HẠN CHẾ

📍 PVTrans chưa hoàn thành kế hoạch tăng vốn đã được ĐHCĐ phê duyệt. HĐQT Tổng công ty đang tích cực thực hiện các thủ tục với UBCKNN để hoàn tất phương án phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn đợt 1 từ 3.236 tỷ đồng lên 3.560 tỷ đồng. Sau khi hoàn tất tăng vốn đợt 1, PVTrans sẽ tiếp tục thực hiện các thủ tục để tăng vốn đợt 2 từ 3.560 tỷ đồng lên 3.916 tỷ đồng.



ĐÁNH GIÁ TỪNG LĨNH VỰC  
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## PHÂN TÍCH TỪNG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### VẬN TẢI DẦU THÔ

PVTrans vận chuyển an toàn và kịp thời dầu thô cho BSR từ các mỏ nội địa về NMLD Dung Quất với tổng sản lượng đạt **5,6 triệu tấn**.

Trong bối cảnh thị trường vận chuyển dầu thô quốc tế diễn biến tích cực, PVTrans duy trì khai thác an toàn, hiệu quả tàu theo hình thức cho thuê định hạn trên các tuyến quốc tế.



### VẬN TẢI HÓA CHẤT

Đội tàu hóa chất của PVTrans gồm các tàu trọng tải từ 10.000-25.000 DWT, chủ yếu hoạt động trên các tuyến quốc tế. Ngoài hình thức cho thuê định hạn, PVTrans đang khai thác các tàu hóa chất trong hiệp hội tanker pool, tận dụng cơ hội thị trường để đem lại hiệu quả khai thác cao hơn.



### VẬN TẢI HÀNG RỜI

PVTrans tiếp tục duy trì việc khai thác các tàu chở hàng rời trên thị trường quốc tế theo phương thức cho thuê tàu chuyển và định hạn.



### DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI DẦU KHÍ FSO/FPSO

PVTrans tiếp tục quản lý, vận hành, khai thác an toàn, hiệu quả, không để xảy ra sự cố dừng hoạt động tàu FSO PVN Đại Hùng Queen tại mỏ Đại Hùng, duy trì dịch vụ O&M giàn CPP cho Idemitsu tại mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt.

### VẬN TẢI DẦU SẢN PHẨM

PVTrans vận chuyển xăng dầu cho PVOil và các đầu mối xăng dầu khác trong nước từ NMLD Dung Quất và NMLHD Nghi Sơn với tổng sản lượng đạt **2,6 triệu tấn dầu sản phẩm**. Bên cạnh đó, PVTrans đưa các tàu ra khai thác tuyến quốc tế thông qua các hình thức cho thuê chuyển và cho thuê định hạn, mang lại hiệu quả tốt trong một năm thị trường thuận lợi.

### VẬN TẢI LPG

Năm 2023, PVTrans tiếp tục đáp ứng tốt nhu cầu vận tải của BSR, PVGas ... giữ vững 100% thị phần thị trường vận tải LPG nội địa, thực hiện chuyên chở **1,5 triệu tấn LPG**. Ngoài ra, PVTrans cũng tăng cường cho các tàu khai thác trên thị trường quốc tế, xây dựng thương hiệu, từng bước tạo dựng những mối quan hệ với các chủ hàng lớn của khu vực Châu Á như PTT, Apex, Itochu, Petronas ...



## TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

### THỊ TRƯỜNG DẦU MỎ QUỐC TẾ

Theo dự báo mới nhất của EIA (tháng 2/2024), giá dầu thô Brent dự kiến sẽ đạt mức bình quân 82 USD/thùng trong năm 2024. Mặc dù có sự gia tăng trong dự trữ dầu thô do nhu cầu suy giảm, tuy nhiên thị trường dầu mỏ dự báo sẽ tiếp tục thắt chặt từ nửa cuối năm 2023 đến hết năm 2024, chủ yếu đến từ việc cắt giảm sản lượng của OPEC+.

### THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI BIỂN QUỐC TẾ

Triển vọng thị trường vận tải hàng lỏng gồm dầu thô, dầu sản phẩm nhìn chung duy trì xu hướng tích cực nhờ sản lượng xuất khẩu khu vực Đại Tây Dương, nhu cầu tiêu thụ Trung Quốc ổn định cũng như làn sóng khởi động tại các nhà máy lọc dầu. Ngoài ra, căng thẳng ở Biển Đỏ/ Vịnh Aden và xung đột Nga-Ukraine tiếp tục là yếu tố hỗ trợ khí quãng đường và thời gian vận chuyển bị kéo dài hơn trong bối cảnh nguồn cung tàu giới hạn, góp phần thúc đẩy giá cước tàu tăng. Tuy nhiên, thị trường vẫn còn tồn tại nhiều rủi ro ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng do chính sách cắt giảm sản lượng của OPEC+ đến hết năm 2024 và việc giảm công suất hoạt động của các máy lọc dầu.

Thị trường vận chuyển hóa chất dự kiến tiếp tục diễn biến thuận lợi chủ yếu nhờ nhu cầu tiêu thụ hóa chất từ châu Á gia tăng ổn định với làn sóng các nhà máy hóa dầu tại Trung Quốc đi vào hoạt động trong thời gian tới.

**T**riển vọng kinh tế chính trị năm 2024 không dễ đoán định với nhiều yếu tố tiêu cực và tích cực đan xen. Những điểm nóng như xung đột tại Ukraine chưa có hồi kết, nguy cơ về khả năng bạo lực lan rộng từ dải Gaza..., kết hợp với trào lưu chuyển đổi số, ứng phó suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu..., cho thấy nhân loại đang đứng trước lộ trình không mấy bằng phẳng sắp tới. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đều đưa ra dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 sẽ giảm nhẹ so với năm 2023. Sự bấp bênh của nền kinh tế toàn cầu đã giảm đáng kể so với hồi đầu năm 2023, tuy nhiên, rủi ro giảm tốc vẫn lấn át động lực tăng tốc của nền kinh tế trong năm 2024.



Thị trường vận chuyển LPG năm 2024 dự báo vẫn khả quan nhưng giá cước giảm so với mức đỉnh cuối năm 2023. Cán cân cung cầu thị trường dự kiến trở lại trạng thái cân bằng khi các yếu tố hỗ trợ trước đó như chênh lệch giá propane giữa Mỹ và châu Á, gián đoạn trên kênh đào Panama dần suy giảm tác động.

Dự báo thị trường vận chuyển hàng rời sẽ có xu hướng phục hồi nhờ cân đối cung cầu tích cực trong năm 2024 nhờ mức sản lượng xuất

khẩu khu vực Đại Tây Dương ổn định cũng như những bất ổn khu vực Biển Đỏ nhưng khó tăng lại mức cao kỷ lục giai đoạn 2021-2022. Triển vọng thị trường sẽ chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các rủi ro bao gồm tình trạng bất ổn chính trị và tăng trưởng kinh tế thấp hơn dự báo

### TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ TIÊU THỤ XĂNG DẦU NỘI ĐỊA

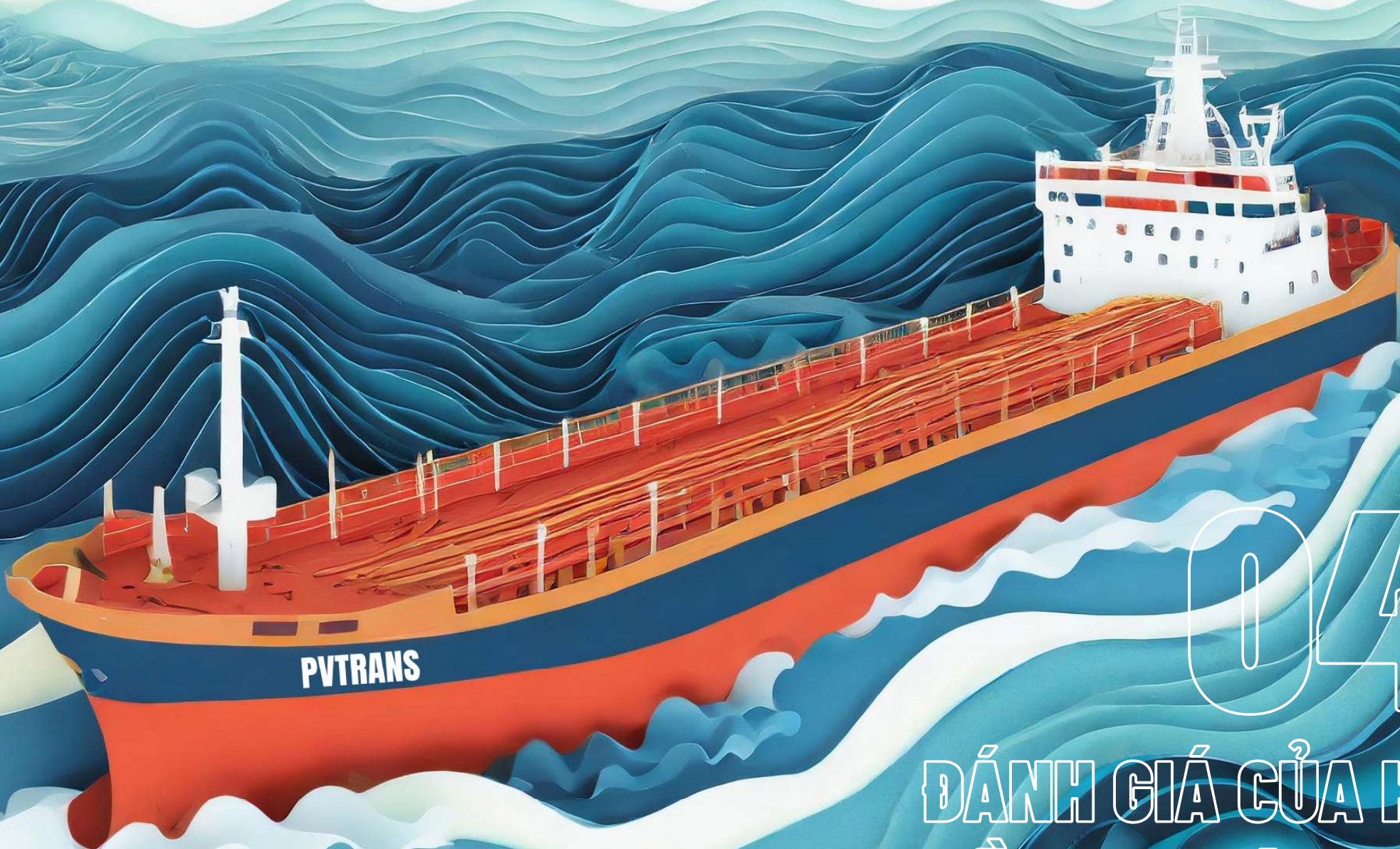
Sau một năm chững lại vì những ảnh hưởng từ những bất định của tình hình thế giới, triển vọng kinh tế của Việt Nam trong năm 2024 được các tổ chức quốc tế dự báo khá lạc quan, tăng trưởng GDP sẽ phục hồi lên mức 5,5-6,5%. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ nền tảng hỗ trợ vững chắc có được từ trước thời kỳ đại dịch Covid-19 vẫn

được duy trì trong năm 2024 cho dù nền kinh tế định hướng xuất khẩu đã chịu nhiều tác động của nhu cầu sụt giảm từ bên ngoài trong năm 2023. Tuy nhiên, rủi ro đối với triển vọng kinh tế của Việt Nam vẫn còn cao do các vấn đề có tính hệ thống trong giải ngân vốn đầu tư công và tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống tín dụng.

NMLD Dung Quất dự kiến dừng hoạt động bảo dưỡng khoảng 50 ngày trong quý I-II/2024, NMLHD Nghi Sơn dự kiến hoạt động bình thường trong năm 2024. Do đó, công suất hoạt động trung bình của các nhà máy lọc dầu dự kiến sẽ giảm so với năm 2023. Về phía cầu, nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu trong nước có thể bị tác động tiêu cực bởi nguy cơ suy giảm đà tăng trưởng kinh tế và lạm phát tiếp tục giữ ở mức cao. Do đó, sản lượng vận chuyển dầu thô, xăng dầu và khí LPG nội địa dự báo thấp hơn so với năm 2023.







04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT  
VỀ HOẠT ĐỘNG  
NĂM 2023

## **ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD**

**H**ĐQT nhận định năm 2023 là một năm có rất nhiều nguy cơ và rủi ro từ các biến động thị trường và kinh tế thế giới, trong đó bao gồm những hệ lụy từ dịch bệnh Covid-19, đặc biệt là ảnh hưởng sâu rộng từ cuộc chiến tranh Nga - Ucraina. Do đó, bên cạnh vai trò định hướng chiến lược, quản trị rủi ro vẫn là nhiệm vụ chính của HĐQT thì việc tăng cường công tác quản lý, giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động SXKD của PVTrans luôn được chú trọng.

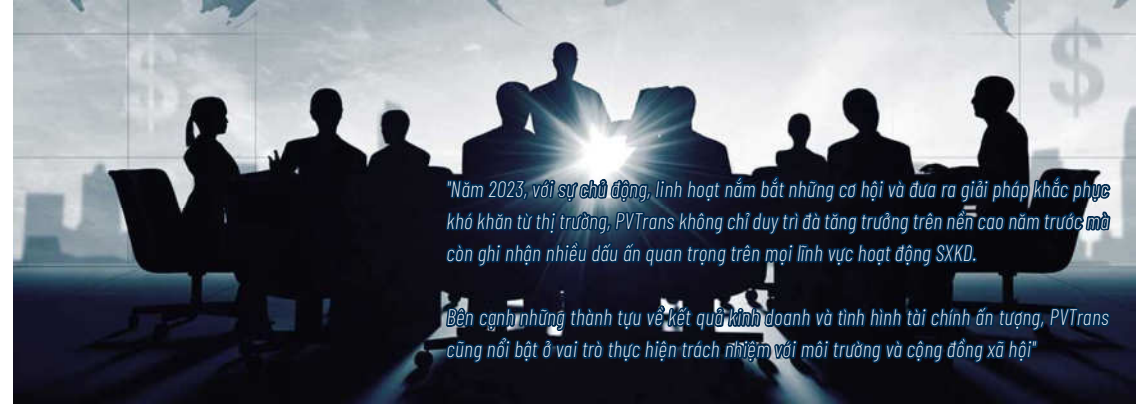
Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát của mình theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, các quy định, quy chế quản lý nội bộ và pháp luật hiện hành.

HĐQT đã tổ chức việc thực hiện chức năng giám sát thông qua một số hoạt động chính như sau:

Phân công công việc cho các thành viên HĐQT theo dõi từng lĩnh vực và đơn vị cụ thể. Với các lĩnh vực và đơn vị được phân công, thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính, thay mặt HĐQT giám sát, đôn đốc, hoạt động của Bộ máy điều hành, các đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên của PVTrans.

Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở Tổng giám đốc báo cáo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết/quyết định của ĐHCĐ/HĐQT, chỉ đạo/ kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở TGD thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng các quy chế/quy định của PVTrans;.

Tổ chức giám sát chặt chẽ việc triển khai các dự án đầu tư, tăng vốn tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên thông qua bộ phận Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát viên của PVTrans tại các đơn vị.



*"Năm 2023, với sự chủ động, linh hoạt nắm bắt những cơ hội và đưa ra giải pháp khắc phục khó khăn từ thị trường, PVTrans không chỉ duy trì đà tăng trưởng trên nền cao năm trước mà còn ghi nhận nhiều dấu ấn quan trọng trên mọi lĩnh vực hoạt động SXKD.*

*Bên cạnh những thành tựu về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính ấn tượng, PVTrans cũng nổi bật ở vai trò thực hiện trách nhiệm với môi trường và cộng đồng xã hội"*

## **KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT**

**- Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên** thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 được ĐHCĐ thông qua, cụ thể như sau:

+ Tổ chức khai thác tàu phù hợp, đảm bảo vận chuyển an toàn, kịp thời nguyên liệu đầu thô đầu vào, sản phẩm đầu và khí đầu ra của NMLD Dung Quất, NMLHD Nghi Sơn và các khách hàng khác theo các hợp đồng ký kết

+ Quản lý khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu của PVTrans trên các tuyến quốc tế.

+ Quản lý, vận hành, khai thác an toàn, hiệu quả và không để xảy ra sự cố dừng sản xuất tàu FSO PVN Đại Hùng Queen tại mô Sao Vàng Đại Nguyệt.

+ Duy trì ổn định các hoạt động kinh doanh khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát chặt chẽ để hạn chế phát sinh công nợ quá hạn.

+ Đẩy mạnh công tác dự báo thị trường, thường xuyên cập nhật các kịch bản và đề xuất giải pháp sẵn sàng ứng phó với biến động của thị trường bằng các nguồn lực hiện có, bám sát chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện trong bối cảnh bối cảnh bất ổn chính trị và nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu.

+ Cập nhật tình hình triển khai các chuỗi liên kết trong Tập đoàn để tìm kiếm cơ hội tham gia cung cấp các dịch vụ mà PVTrans có thế mạnh.

+ Thường xuyên theo dõi, cập nhật dự báo thị trường vận tải, thị trường mua bán tàu để triển khai dự án đầu tư theo kế hoạch đã duyệt phù hợp với nhu cầu thị trường, đảm bảo tiến độ, hiệu quả, đúng quy định pháp luật và quy định của PVTrans. Quản lý và cân đối vốn đầy đủ cho các dự án đầu tư và hoạt động thường xuyên của PVTrans

+ Thực hiện đầu tư góp vốn vào đơn vị thành viên sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục theo quy định của nhà nước, pháp luật

và chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động SXKD cũng như bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại đơn vị.

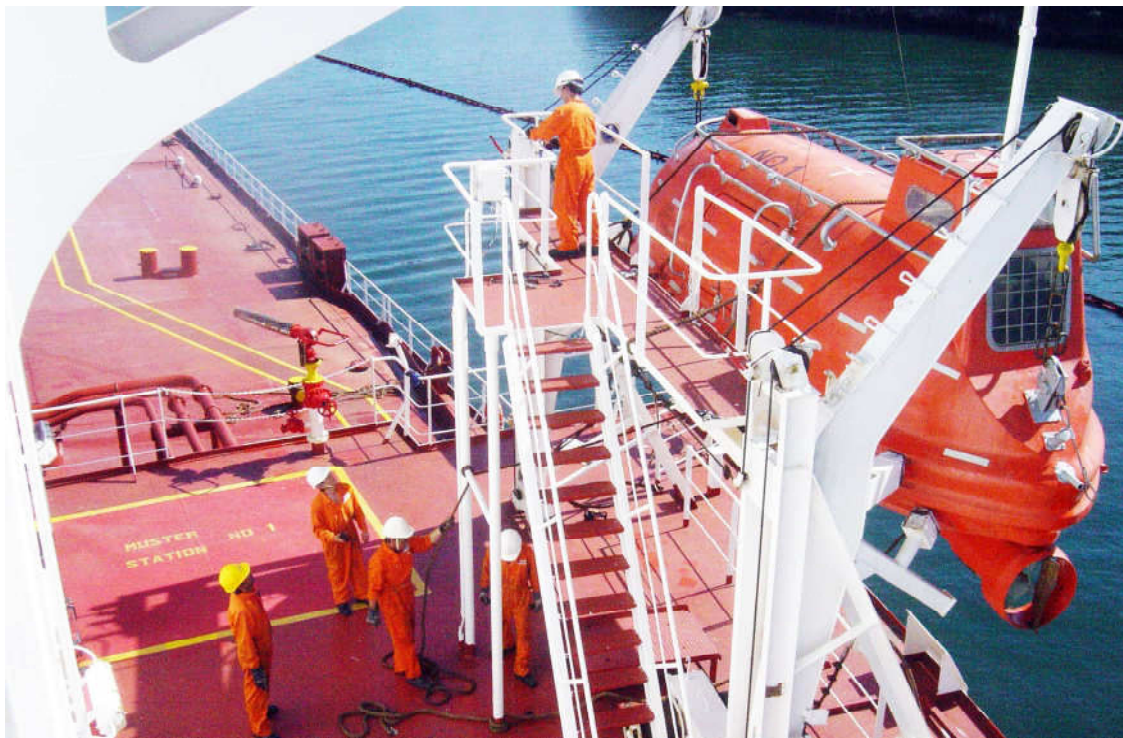
+ Bảo toàn và phát triển vốn, duy trì và nâng cao các chỉ số đảm bảo an toàn hoạt động tài chính của PVTrans. Xây dựng kế hoạch và giải pháp kiểm soát nguồn vốn, dòng tiền đảm bảo đáp ứng nguồn vốn cho các hoạt động SXKD và đầu tư.

**- Nâng cao công tác quản trị, đặc biệt quản lý chi phí thông qua việc tối ưu hóa cơ cấu tổ chức, mô hình quản lý.** Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ PVTrans. Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác kiểm tra giám sát, kiểm toán nội bộ, kiểm soát chặt chẽ các chỉ số tài chính của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty;

**- Triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể phù hợp với tình hình mới,** triệt để giải quyết các tồn tại, khó khăn của PVTrans và các đơn vị thành viên để, tái cấu trúc đội tàu, nâng cao năng lực vận chuyển, tăng năng lực cạnh tranh đáp ứng cơ hội phát triển của PVTrans trong giai đoạn sắp tới.

**- Tăng cường các giải pháp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý, quản trị** doanh nghiệp và nhân lực có chuyên môn cao đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của PVTrans.

**- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội.** Đảm bảo đủ việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động trong PVTrans. Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông.



# 105 QUẢN TRỊ CÔNG TY



**DANH SÁCH HĐQT, BAN TGD,  
BAN KIỂM SOÁT, KTT, NGƯỜI PTQT**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu PVT	
			Đại diện	Sở hữu cá nhân
<b>I Hội đồng quản trị</b>				
1	Ông Phạm Việt Anh	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 15/06/2021)	55.020.712	180.895
2	Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên HĐQT kiêm TGD (bổ nhiệm từ ngày 15/06/2021)	45.311.174	-
3	Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT, Phó TGD (bổ nhiệm từ ngày 30/06/2022)	32.365.125	-
4	Bà Nguyễn Linh Giang	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 15/06/2021)	32.365.125	-
5	Ông Hoàng Đức Chính	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 30/06/2022)	-	-
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm từ ngày 30/06/2022)	-	-
7	Ông Đoàn Đình Thái	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm từ ngày 30/06/2022)	-	-
<b>II Ban Tổng giám đốc</b>				
1	Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 16/06/2021)	Đã kê khai tại phần HĐQT	
2	Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 15/12/2021)	Đã kê khai tại phần HĐQT	
3	Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 04/07/2023)	-	-
4	Ông Nguyễn Viết Long	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/10/2023)	-	-
5	Ông Lê Mạnh Tuấn	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 09/05/2022)	-	759
<b>III Ban kiểm soát</b>				
1	Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban (bổ nhiệm từ ngày 15/06/2021)	-	2
2	Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 30/06/2022)	-	-
3	Bà Ngô Thị Thu Linh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11/04/2023)	-	-
4	Ông Kim Kwang Hyuk	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11/04/2023)	-	-
<b>IV Kế toán trưởng</b>				
1	Ông Đỗ Đức Hùng	Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ ngày 22/09/2020)	-	-
<b>V Người phụ trách quản trị công ty</b>				
1	Bà Nguyễn Hồng Vân	Người phụ trách quản trị	-	-

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**T**rong năm 2023, HĐQT đã tích cực thực hiện công tác quản lý, quản trị, thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao trên tinh thần tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của PVTrans, theo chuẩn mực quản trị công ty nghiêm ngặt quy mô lớn.

Để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của HĐQT, phát huy khả năng, năng lực của từng thành viên, HĐQT phân công công việc cho các thành viên HĐQT theo dõi từng lĩnh vực và đơn vị cụ thể. Với nhiệm vụ được phân công, thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính, thay mặt HĐQT giám sát, đôn đốc, hoạt động của bộ máy điều hành, các đơn vị trực thuộc và các đơn vị thành viên của Tổng công ty.

HĐQT ban hành kế hoạch công tác hàng năm bao gồm: kế hoạch giám sát, kế hoạch hoạt động chuyên đề, tiếp xúc cổ đông và các kế hoạch hoạt động, công tác khác. Các thành viên HĐQT theo sự phân công chỉ đạo và/hoặc chủ động đề xuất các chương trình công tác của mình để thực hiện các nhiệm vụ chức trách được giao.

Trong năm 2023 HĐQT đã tiến hành 100 cuộc họp dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp, HĐQT đã ban hành 77 Nghị quyết và 79 Quyết định về những vấn đề quan trọng của PVTrans và chỉ đạo Tổng giám đốc triển khai, tập trung vào các công tác sau:

**CÔNG TÁC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ**

Tiếp tục củng cố, cải tiến cơ chế hoạt động đã được xây dựng từ những năm trước một cách phù hợp với đặc thù và quy mô phát triển của Tổng công ty nhằm đảm bảo HĐQT thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ vai trò của mình, phát huy tối đa vai trò của từng cá nhân TV HĐQT và sức mạnh của tập thể HĐQT trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế/quy định nội bộ và hướng tới thông lệ quản trị tốt nhất.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trong năm 2023, để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của HĐQT, HĐQT đã thành lập 2 tiểu ban bao gồm Tiểu ban Kiểm toán và quản trị rủi ro, Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng và một ban chuyên môn thuộc HĐQT.

**CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

Rà soát, xây dựng hoàn thiện các cơ chế, quy chế trong quản lý quản trị, tài chính kế toán, đầu tư, thương mại, tổ chức nhân sự, việc tổ chức các cuộc kiểm tra, kiểm toán nội bộ để phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai sót, yếu kém trong hoạt động SXKD, không tạo kẽ hở trong quản lý và nâng cao hiệu quả quản trị trong PVTrans và các đơn vị thành viên;

Tiếp tục xây dựng hệ thống quản lý và đẩy mạnh việc sắp xếp, đào tạo, luân chuyển, kiện toàn bổ sung các cán bộ chủ chốt có năng lực cho PVTrans;

Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và an toàn cho tàu, kiểm soát chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, cung cấp vật tư và dịch vụ cần thiết nhằm đảm bảo cho các tàu hoạt động liên tục, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm



### CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Thường xuyên tổ chức các cuộc họp chuyên đề nhằm cập nhật thông tin, những dự báo về xu hướng thị trường từ đó đưa ra những định hướng chiến lược phù hợp để phát huy những điểm mạnh, lợi thế của từng đơn vị đồng thời đảm bảo sự phát triển hài hòa/đồng bộ giữa các đơn vị để hướng đến sự phát triển ổn định, bền vững của PVTrans nói chung và các DVTV nói riêng;

Trên cơ sở kế hoạch SXKD và đầu tư 5 năm 2021-2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 phê duyệt, HĐQT đã chấp thuận định hướng tái cấu trúc và kế hoạch SXKD đến năm 2025 của các đơn vị thành viên

### CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

**Về đầu tư tài sản:** Thường xuyên đôn đốc, quyết liệt chỉ đạo TGD nắm bắt thị trường, nắm bắt cơ hội đầu tư các dự án theo kế hoạch 2023 đã được phê duyệt. Trong năm 2023, Công ty mẹ đã đầu tư được 4 tàu trong tổng số 6 tàu theo kế hoạch. Các tàu đã được đưa vào khai thác ngay sau khi hoàn thành đầu tư đã góp phần nâng cao kết quả SXKD của PVTrans năm 2023.

**Về đầu tư tài chính:** triển khai công tác đầu tư tài chính theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt đã góp phần giúp cho các đơn vị thành viên kịp thời thực hiện kế hoạch đầu tư từ đó nâng cao năng lực vận tải/hiệu quả SXKD của các đơn vị

### CÔNG TÁC CÁN BỘ

Tổ chức các hội thảo, ban hành nghị quyết về giải pháp đột phá trong công tác cán bộ bao gồm việc khẩn trương xây dựng cơ chế để chủ động nguồn nhân lực chuyên viên đạt chất lượng cho đội tàu của PVTrans, tăng cường công tác luân chuyển, đào tạo cán bộ;

Tăng định biên tuyển dụng nhân sự (bao gồm cả chức danh quản lý) tại các phòng ban, đơn vị để có dự địa cho việc đào tạo, phát triển nguồn cán bộ;

Ưu tiên tuyển dụng và bổ nhiệm các cán bộ công nhân viên trẻ, có năng lực, có tố chất tốt;

Đổi mới công tác đánh giá cán bộ, trong đó việc đánh giá cán bộ phải đảm bảo thông qua kết quả công việc, bằng sản phẩm cụ thể trong đó việc đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ ở từng cấp từ Công ty mẹ và các đơn vị thành viên là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo/quản lý

### CÔNG TÁC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

HĐQT đã và đang chỉ đạo Ban điều hành làm việc với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để hoàn thiện thủ tục tăng vốn theo phương án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2022 ngày 30/06/2022 (đợt 1), dự kiến hoàn thành trong Quý II/2024.

Đối với công tác tăng vốn điều lệ từ 3.560 tỷ đồng lên 3.916 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023: HĐQT sẽ tiếp tục triển khai sau khi hoàn tất tăng vốn đợt 1.

### QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

HĐQT đảm bảo truyền thông chính xác và đầy đủ với các bên liên quan bao gồm cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và công chúng thông qua chính sách công bố thông tin đầy đủ, hiệu quả và minh bạch. Tất cả các nội dung công bố thông tin được gửi đồng thời đến tất cả các thành viên HĐQT và các Ban chuyên môn có liên quan để giám sát việc thực hiện công bố thông tin này.

Với định hướng và chiến lược rõ ràng, các hoạt động IR của PVTrans thể hiện tính nhất quán, chuyên nghiệp và bài bản trên các kênh truyền thông. Ngoài cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên là kênh trao đổi chính thức giữa doanh nghiệp và cổ đông/nhà đầu tư, PVTrans đã tích cực gặp gỡ, trao đổi với nhà đầu tư và các định chế tài chính trực tiếp tại văn phòng PVTrans hoặc trực tuyến (online). Định kỳ, PVTrans cũng thường xuyên tham gia các buổi công bố kết quả kinh doanh hàng quý (Earning Call) hay các sự kiện hội thảo, hội nghị nhà đầu tư (Investor Conference) do các công ty chứng khoán tổ chức, qua đó giới thiệu về các cơ hội đầu tư cũng như tiềm năng của PVTrans đến đông đảo các nhà đầu tư đến từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau. Bên cạnh đó, website chính thức của PVTrans ([www.pvtrans.com](http://www.pvtrans.com)) cũng được tập trung đầu tư và thường xuyên truyền tải thông tin cập nhật, đảm bảo nghĩa vụ công bố thông tin và đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu thông tin của nhà đầu tư.

## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Các thành viên HĐQT độc lập đã tích cực, chủ động thực hiện vai trò thành viên HĐQT độc lập, tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT

### KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2023, HĐQT đã hoạt động theo Điều lệ, quy chế của PVTrans.

HĐQT tích cực, chủ động thực hiện vai trò xây dựng chiến lược, chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

HĐQT chú trọng các hoạt động nhằm xây dựng và củng cố nâng cao hiệu quả công tác quản trị để duy trì, phát triển năng lực cạnh tranh, khẳng định uy tín của PVTrans trên thị trường vận tải.

Công tác kiểm tra, giám sát được HĐQT chú trọng nhằm kịp thời chấn chỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện không để xảy ra những hệ quả tiêu cực đối với kết quả SXKD của PVTrans

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT



### TIỂU BAN NHÂN SỰ VÀ LƯƠNG THƯỜNG

Tham mưu cho HĐQT về việc xây dựng các chính sách, quy định về công tác tổ chức, cán bộ, lương thưởng của PVTrans; Chính sách thù lao HĐQT, BKS, thường Ban điều hành và cán bộ quản lý.

Xây dựng, đề xuất ban hành và tổ chức triển khai các tiêu chuẩn, điều kiện bầu/bổ nhiệm, các tiêu chí, quy định, quy chế và trình tự thủ tục đánh giá năng lực và hiệu quả công việc của các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các chức danh quản lý chủ chốt khác của PVTrans.

Được ủy quyền thay mặt HĐQT xem xét chấp thuận kết quả đánh giá cán bộ trong công tác thi đua khen thưởng trên cơ sở báo cáo của Hội đồng thi đua khen thưởng theo quy chế thi đua khen thưởng của PVTrans.

Chuẩn bị các báo cáo thường niên về chính sách và hoạt động lương thưởng.

Tìm kiếm, phỏng vấn nhân sự cho thành viên HĐQT độc lập và các cán bộ quản lý cao cấp

Trong năm 2023, HĐQT đã thành lập các tiểu ban giúp việc trực thuộc HĐQT bao gồm: Tiểu ban kiểm toán và quản trị rủi ro và Tiểu ban Nhân sự và lương thưởng

### TIỂU BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Giám sát tính trung thực BCTC và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của PVTrans.

Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.

Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHCĐ và đưa ra các khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHCĐ.

Giám sát hoạt động của Ban KTNB của PVTrans; Xem xét và đánh giá các báo cáo chi tiết của đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ PVTrans để có báo cáo tóm tắt đánh giá và các đề xuất trọng yếu với HĐQT.

Theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trường hợp PVTrans có sử dụng dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán. Kiến nghị HĐQT/Chủ tịch HĐQT quyết định kiểm tra, kiểm toán chuyên đề hoặc đột xuất khi thấy cần thiết nhằm thực hiện tốt trách nhiệm, quản lý, kiểm tra, giám sát của HĐQT.

Giám sát nhằm đảm bảo PVTrans tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của PVTrans.

**DANH SÁCH TV HDQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

STT	Họ tên	Chức vụ	Tên khóa đào tạo	Tổ chức đào tạo
1	Ông Phạm Việt Anh	Chủ tịch HDQT	Chứng nhận Thành viên HDQT - DCP13	Viện Thành viên HDQT Việt Nam (VIOD)
			Nhà lãnh đạo dân dật trong thế giới biến động	Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright
			Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất: Bài học kinh nghiệm quốc tế cho khối doanh nghiệp Nhà nước	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)
2	Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên HDQT, Tổng giám đốc	Chứng nhận Thành viên HDQT - DCP13	Viện Thành viên HDQT Việt Nam (VIOD)
			Nhà lãnh đạo dân dật trong thế giới biến động	Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright
			Chuyển dịch năng lượng tại Việt Nam	Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU)
3	Bà Nguyễn Linh Giang	Thành viên HDQT	Chứng nhận Thành viên HDQT - DCP15	Viện Thành viên HDQT Việt Nam (VIOD)
			Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất: Bài học kinh nghiệm quốc tế cho khối doanh nghiệp Nhà nước	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)
			Chứng nhận Thành viên HDQT - DCP15	Viện Thành viên HDQT Việt Nam (VIOD)
4	Ông Nguyễn Đình Thành	Thành viên HDQT, Phó Tổng giám đốc	Chứng nhận Thành viên HDQT - DCP15	Viện Thành viên HDQT Việt Nam (VIOD)
			Chứng nhận Thành viên HDQT - DCP23	Viện Thành viên HDQT Việt Nam (VIOD)
			Chứng nhận Thành viên HDQT tích hợp Quản trị Môi trường & Xã hội (DCP23-ESG)	Viện Thành viên HDQT Việt Nam (VIOD)
5	Ông Hoàng Đức Chính	Thành viên HDQT	Phát triển năng lực lãnh đạo - LDP	Trường Cao đẳng Dầu khí (PV College)
			Chuyển đổi số dành cho Lãnh đạo quản lý - năng cao	Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU)

STT	Họ tên	Chức vụ	Tên khóa đào tạo	Tổ chức đào tạo
6	Ông Lê Mạnh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	Chứng nhận Thành viên HDQT - DCP15	Viện Thành viên HDQT Việt Nam (VIOD)
			Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất: Bài học kinh nghiệm quốc tế cho khối doanh nghiệp Nhà nước	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)
			Chương trình quản lý dầu khí quốc tế trong lĩnh vực khâu sau	Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU)
7	Ông Nguyễn Việt Long	Phó Tổng giám đốc	Chứng nhận chương trình định hướng Thành viên HDQT	Viện Thành viên HDQT Việt Nam (VIOD)
8	Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó Tổng giám đốc	Chứng nhận chương trình định hướng Thành viên HDQT	Viện Thành viên HDQT Việt Nam (VIOD)
			Phát triển năng lực lãnh đạo - LDP	Trường Cao đẳng Dầu khí (PV College)



## BAN KIỂM SOÁT

### HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT Tổng công ty:

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua.

HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của PVTrans theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và PVTrans.

Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Tổng giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.

HĐQT đã chỉ đạo, tạo điều kiện và giám sát TGD trong việc xử lý các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD, đặc biệt là trong các tình huống khẩn cấp, thời điểm tình hình SXKD khó khăn khi các biến động trên thị trường trong nước và thế giới biến động khó lường như năm 2023

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

Tổng giám đốc và Ban điều hành đã có nỗ lực và điều hành hoạt động của PVTrans một cách linh hoạt, tuân thủ các quy định của công ty và của pháp luật.

Tập trung nâng cao công tác quản trị, điều hành, tối ưu hóa trong sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong mọi lĩnh vực và đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu SXKD của năm 2023.

TGD đã chỉ đạo các Ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHĐCĐ



### HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dựa trên kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- + Việc chấp hành Điều lệ Tổng công ty, các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của PVTrans;
- + Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro của PVTrans.
- + Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023; tình hình sử dụng và bảo toàn vốn; việc thực hiện biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; công tác triển khai các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.

Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.

- + Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa PVTrans và các bên có liên quan.
- + Thực hiện các báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.
- + Thường xuyên rà soát, đánh giá các nội dung và kế hoạch hoạt động của BKS để triển khai các công việc hiệu quả cao nhất.

## THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

**T**hù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 được trả theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại ĐHĐCĐ năm 2023.

Đối với Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm và BKS kiêm nhiệm: Phụ cấp thành viên HĐQT độc lập là 20.000.000 đồng/người/tháng; Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm tham gia điều hành là 5.000.000 đồng/người/tháng; Thành viên BKS kiêm nhiệm là 9.000.000 đồng/người/tháng, phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng số tiền thù lao thực hiện đối với thành viên HĐQT và BKS trong năm 2023 là 876.000.000 đồng. Chế độ tiền

thưởng từ quỹ thưởng Ban QLKH hàng năm do Hội đồng quản trị xem xét thực hiện theo các Quy chế, quy định về chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của PVTrans.

Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: Tổng tiền lương, thu nhập của thành viên HĐQT chuyên trách là 3.219.073.640 đồng và Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là 968.184.986 đồng.

Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2023 được tính vào chi phí quản lý chung của PVTrans. Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS thực hiện năm 2023 là 886.829.136 đồng





06

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG



**T**rong chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 và định hướng chiến lược đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 của PVTrans, sức khỏe, an toàn lao động và bảo vệ môi trường (HSE) là những yếu tố quan trọng, luôn được Ban lãnh đạo PVTrans quan tâm và chú trọng thực hiện trong công tác sản xuất kinh doanh hàng ngày.

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực vận tải dầu khí và dịch vụ hàng hải tiềm ẩn nhiều rủi ro cùng với yêu cầu khắt khe về an toàn của các đối tác quốc tế, PVTrans luôn chủ động nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các chính sách, quy trình và hệ thống HSE tuân thủ theo bộ luật Quản lý An toàn Quốc tế (ISM Code), tiêu chuẩn ISO- 9001:2008, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004, Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2004.

### Các nguyên tắc cơ bản:

- ☑ Đảm bảo không có thương tật cho con người.
- ☑ Đảm bảo không thiệt hại về tài sản.
- ☑ Đảm bảo không nguy hại đến môi trường, từng bước hướng tới phát triển bền vững.

Các chính sách và quy trình an toàn của PVTrans đã được các tổ chức Đăng kiểm quốc tế kiểm tra công nhận và cấp giấy chứng nhận thỏa mãn, đồng thời nhận được sự cam kết tuân thủ cao nhất từ Ban lãnh đạo, các cán bộ quản lý đến đội ngũ thuyền viên Tổng công ty.

### THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG BẢO HỘ LAO ĐỘNG

PVTrans đã thành lập và kiện toàn Hội đồng Bảo hộ lao động với các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- ☑ Thực hiện giám sát, tham gia, tư vấn với cấp lãnh đạo và phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng quy chế quản

lý, chương trình hành động, kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động và các biện pháp an toàn - vệ sinh lao động.

- ☑ Cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động theo định kỳ.
- ☑ Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường tại các đơn vị trong PVTrans.
- ☑ Phụ trách việc đăng ký và kiểm định các trang thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn theo quy định.

### CHÚ TRỌNG CÔNG TÁC ỨNG CỨU KHẨN CẤP - TÌM KIẾM CỨU NẠN

PVTrans đã ban hành kế hoạch Ứng cứu khẩn cấp từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên, quy định các phương án phòng, chống và ứng cứu khi có thiên tai, lụt bão; Có hệ thống các cán bộ phụ trách an toàn (kiêm nhiệm) làm việc trong lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; Chủ động lên kế hoạch

phòng chống và triển khai các ĐVTV thực hiện, phân công trực ứng cứu, sẵn sàng hỗ trợ ứng phó, báo cáo kịp thời không để thiệt hại khi có bão.

Bên cạnh đó, PVTrans đã đưa ra một loạt các giải pháp liên quan đến công tác Ứng cứu khẩn cấp - tìm kiếm cứu nạn như sau:

- ☑ PVTrans đã thành lập Ban chỉ huy "phòng chống lụt bão - tìm kiếm cứu nạn" chỉ đạo công tác ứng phó phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, quy định các phương án phòng, chống và ứng cứu khi có thiên tai, lụt bão; các đội ứng phó với tình huống khẩn cấp trên bờ và tại tàu. Lập các kế hoạch và định kỳ diễn tập ứng cứu tình huống khẩn cấp.
- ☑ Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra, giám sát công tác chuẩn bị ứng phó tình huống khẩn cấp, đảm bảo các trang thiết bị phục vụ cho công tác ứng phó sự cố khẩn cấp luôn được duy trì tình trạng tốt.
- ☑ Luân phiên bố trí các cán bộ chuyên trách của PVTrans tham gia các khóa huấn luyện tìm kiếm cứu nạn để cập nhật kiến thức và triển khai tại PVTrans. Liên hệ với các tổ chức đào tạo có uy tín, chuyên nghiệp để cử nhân sự tham gia đào tạo và không ngừng đổi mới nội dung huấn luyện để nâng cao chất lượng công tác huấn luyện.
- ☑ Luôn duy trì việc trực ban thường xuyên và đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, liên tục giữa Đội ứng cứu khẩn cấp, tàu, Lãnh đạo PVTrans, phòng ban trong các tình huống khẩn cấp, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết.
- ☑ Định kỳ tổ chức diễn tập các tình huống khẩn cấp theo kế hoạch và diễn tập phối hợp giữa trên bờ, tàu và các ngành chức năng trong việc hỗ trợ ứng phó tình huống khẩn cấp. Thực tập và rèn luyện với tình huống người rơi xuống biển (03 tháng/lần); Thực tập đăm và trên biển (02 lần/năm); Thực tập sự cố tràn dầu (03 tháng/lần); hàng năm tổ chức diễn tập An ninh - An toàn giữa văn phòng và tàu. Tất cả nhân sự liên quan được trang bị những kỹ năng cần thiết để sẵn sàng hoàn thành tốt trong các đợt diễn tập cũng như xử lý các tình huống cứu hộ, cứu nạn.
- ☑ Thực hiện kiểm tra định kỳ toàn bộ các trang thiết bị và triển khai các biện pháp ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và hoạt động của đội tàu, bến bãi, văn phòng... Khi cần thiết đối với các thuyền viên của PVTrans ý thức được tầm quan trọng của Công tác tìm kiếm cứu nạn, nhất là các thuyền viên đã có thâm niên làm việc trên tàu và chấp hành hành đầy đủ các quy định của pháp luật về hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cũng như những quy định của PVTrans.
- ☑ Lãnh đạo PVTrans và toàn thể CBCNV luôn nhận thức được vai trò, trách nhiệm và sẵn sàng ứng phó với tình huống khẩn cấp. Luôn chủ động phối hợp với địa phương, các đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các đơn vị khác trong ngành để sẵn sàng ứng phó khi các tình huống khẩn cấp.

## CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG (tiếp theo)

### ĐẢM BẢO TRANG THIẾT BỊ AN TOÀN TRÊN TÀU

Tất cả các trang thiết bị an toàn trên tàu của PVTrans và các ĐVTV đều thoả mãn các yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng và số lượng cũng như cách thức hoạt động. Đảm bảo cho tàu luôn trong tình trạng an toàn và được kiểm tra theo quy định của Công ước và cấp đầy đủ các giấy chứng nhận.

### ĐẢM BẢO AN TOÀN ĐỐI VỚI CON NGƯỜI TRONG VẬN HÀNH TÀU

Tất cả các tàu PVTrans và ĐVTV đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị an toàn bảo vệ cá nhân, các trang thiết bị phòng chống cháy nổ theo quy định của SOLAS, Luật phòng cháy và chữa cháy như:

- ☑ Thiết bị đo lường nồng độ Oxy;
- ☑ Thiết bị đo lường khí cháy, nổ;
- ☑ Các thiết bị/ dụng cụ đo lường, chỉ báo các loại khí độc hại;
- ☑ Các trang thiết bị phòng chống cháy nổ (Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chỉ báo khí gas, các hệ thống dập cháy, các bộ đồ chữa cháy, các loại bình chữa cháy, các bình thoát hiểm,...).

Công tác an toàn trên tàu được thực hiện nghiêm ngặt, các thiết bị sử dụng trên tàu luôn đảm bảo có độ tin cậy cao, được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt.

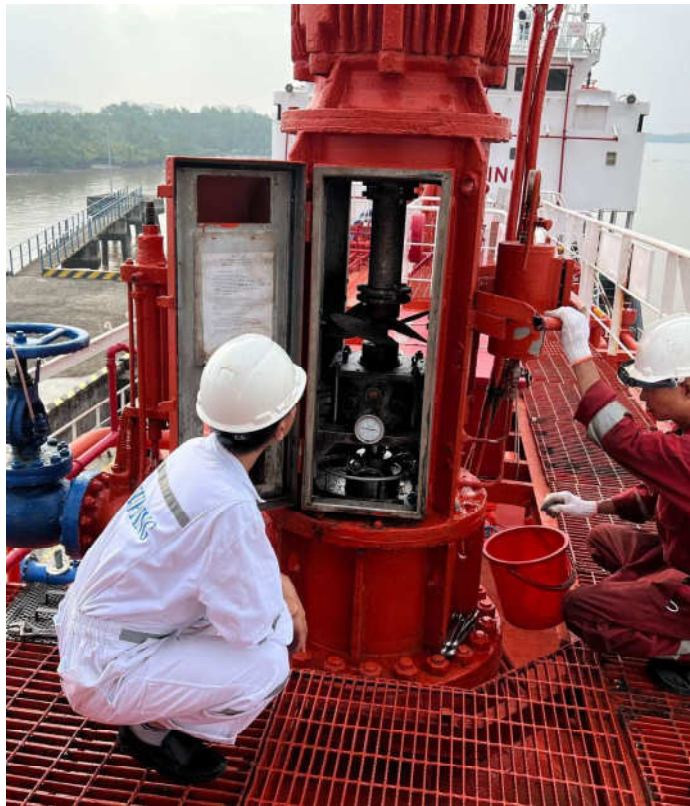
Toàn bộ thuyền viên trên các tàu của PVTrans luôn được đảm bảo là những

người có đầy đủ sức khoẻ, trình độ và kinh nghiệm thoả mãn các yêu cầu, đồng thời phải được đào tạo thêm các kỹ năng đặc biệt khác trong công tác vận chuyển và bảo quản hàng hoá, phòng chống cháy nổ thì mới có thể đảm đương được nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho tàu, cho đồng nghiệp trong khi thực thi nhiệm vụ của mình trên tàu.

### PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÔNG ĐOÀN PVTRANS

Thỏa ước lao động tập thể - bao gồm 100% lao động chính thức của PVTrans - do tập thể người lao động đại diện là Chủ tịch Công đoàn và người sử dụng lao động ký kết, trong đó quy định rõ các điều khoản liên quan đến an toàn.

Công đoàn phát động và chủ trì hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh, là mạng lưới tiên phong trong việc thực hiện các quy định vệ sinh an toàn ở từng phòng ban bộ phận. Đây là những người lao động trực tiếp, am hiểu nhiệm vụ chuyên môn và kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động, có trình độ nghề nghiệp, nhiệt tình, gương mẫu trong việc chấp hành an toàn - vệ sinh lao động. Mạng lưới này có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra, giám sát bộ phận/cơ quan nơi mình làm việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn và vệ sinh lao động trong sản xuất kinh doanh; tham gia xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động và hướng dẫn về quy định an toàn với những lao động mới.



## CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

"PVTrans luôn có ý thức trong việc bảo vệ môi trường và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Từ khi thành lập cho đến nay, PVTrans chưa để xảy ra bất kỳ sự cố hoặc các vấn đề liên quan đến môi trường. Đối với các loại chất thải trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được PVTrans xử lý đúng quy định hoặc xử lý thông qua các đơn vị dịch vụ chuyên dụng xử lý rác và chất thải nguy hại."

Là đơn vị vận tải biển lớn nhất Việt Nam, PVTrans ý thức được rõ các rủi ro tiềm ẩn đến môi trường phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì thế, không chỉ tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu và quy định về bảo vệ môi trường của các Cơ quan quản lý, PVTrans còn tích cực trong công tác tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường từ nội bộ.

### CÁC HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện việc treo băng rôn, khẩu hiệu tại Văn phòng, trụ sở làm việc và trên toàn đội tàu của Tổng Công ty về các chủ đề của ngày Môi trường thế giới và các nội dung khác liên quan kêu gọi mọi người trong việc bảo vệ và giữ gìn môi trường.

Thực hiện tuyên truyền, vận động toàn thể CBCNV và gia đình cùng nâng cao ý thức trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường.

Sử dụng và tiếp tục khuyến khích phát triển công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường ít xả thải ra môi trường.

Vận động tập thể thuyền viên trên toàn đội tàu cùng tham gia chương trình với các nội dung và tiêu chí như: Giữ bếp và khu ăn uống sạch sẽ, ngăn nắp; Chế biến thức ăn hợp lý vừa đủ dùng, không để dư thừa lãng phí nhiều thực phẩm; Sắp xếp gọn gàng và duy trì vệ sinh sạch sẽ kho bảo dưỡng thực phẩm.

### HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN CÁC TÀU

Về sử dụng nguyên liệu, hiện các tàu PVTrans sử dụng dầu LFO, LMG0 đảm bảo thoả mãn các quy định của Công ước hạn chế khí thải SOx theo quy định tại Điểm 3 Khoản 1 Điều 14 Phụ lục VI MARPOL yêu cầu hàm lượng lưu huỳnh của bất kỳ loại dầu nhiên liệu nào được sử dụng trên tàu không được vượt quá 0,5% kể từ ngày 01/01/2020. Hiệu chỉnh Điều 14 của Phụ lục VI MARPOL có hiệu lực từ 01/3/2020.

Bên cạnh đó, các tàu PVTrans hiện nay cũng đều được trang bị hệ thống quản lý nước dẫn và cặn dẫn của tàu đảm bảo tuân thủ Công ước BWM 2004 về kiểm soát, quản lý nước dẫn và cặn dẫn của tàu chính thức có hiệu lực vào ngày 8/9/2017 và Nghị quyết MEPC.297(27) của Ủy ban Bảo vệ môi

trường biển thông qua vào ngày 13/4/2018.

### HOẠT ĐỘNG TRỒNG RỪNG

Hưởng ứng lời kêu gọi trồng 1 tỷ cây xanh trong 5 năm 2021-2025 "Vi một Việt Nam xanh" của Thủ tướng Chính phủ, cam kết của Chính phủ Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) và Chương trình trồng 3 triệu cây xanh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVTrans đã tích cực xây dựng kế hoạch và lộ trình triển khai trồng **100.000** cây xanh trong giai đoạn 2021-2025. Kết quả lũy kế đến năm 2023, PVTrans đã trồng được **33.500** cây tại tỉnh Cà Mau, Hà Nam và Lâm Đồng.

"Kết quả trong năm 2023, PVTrans không có xảy ra tai nạn nghiêm trọng, điều kiện làm việc, công tác an toàn, môi trường làm việc luôn chú ý quan tâm, PVTrans cũng thường xuyên chủ động đầu tư, cải thiện công cụ, dụng cụ làm việc, trang thiết bị BHLĐ. Các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, luôn được NLD chấp hành nghiêm ngặt, góp phần quan trọng đảm bảo an toàn cho người lao động và nâng cao hiệu quả trong SXKD"

## CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Toàn bộ 100% người lao động PVTrans đều được ký Hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động, được đảm bảo công ăn việc làm. Người sử dụng lao động và người lao động chấp hành thực hiện đúng những nội dung đã quy định, thỏa thuận trong hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

Việc thực hiện các chính sách pháp luật của Nhà nước đối với người lao động luôn được PVTrans tuân thủ đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội tại doanh nghiệp. Ngoài những chế độ được quy định trong Bộ luật lao động, đoàn viên công đoàn của PVTrans còn được hưởng thêm nhiều chế độ khác như: Tham gia bảo hiểm sức khỏe PVI, phụ cấp tiền ăn trưa, phụ cấp chi phí điện thoại, xăng xe để phục vụ công việc...

### CÁC GIẢI PHÁP VỀ CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG

PVTrans thường xuyên rà soát, điều chỉnh Quy chế trả lương thưởng phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình kinh doanh thực tế nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi.

Ban hành các chính sách đãi ngộ (lương thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú...) đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao.

PVTrans tổ chức nhiều hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV như thăm hỏi, chúc tết và tặng quà cho cán bộ, thuyền viên công tác đang làm việc trên tàu, người lao động có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật và các tấm gương lao động điển hình; nhân các dịp lễ tết, ngày 8/3, ngày 2/9, ngày 20/10....

Tổ chức nhiều hoạt động và cuộc thi giúp gắn kết người lao động



## HOẠT ĐỘNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

như tổ chức cho Người lao động tham gia các cuộc thi như: Tổ chức giải bóng đá nam nữ chào mừng ĐH Công đoàn TCT; Hội thi tiếng hát Những người đi tìm lửa; Hội thao Dầu khí, Tuần Lễ Văn hóa Dầu khí; Giải chạy Marathon Cà Mau; Tổ chức chương trình vui Tết thiếu nhi 01/6, Tết Trung thu cho các cháu là con đoàn viên, NLĐ trong PVTrans .

PVTrans luôn tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên nữ được hưởng đúng và đủ các chế độ về thai sản, như nghỉ 06 tháng hưởng lương đầy đủ và ngày làm việc 07 giờ trong năm đầu sau khi khi con.



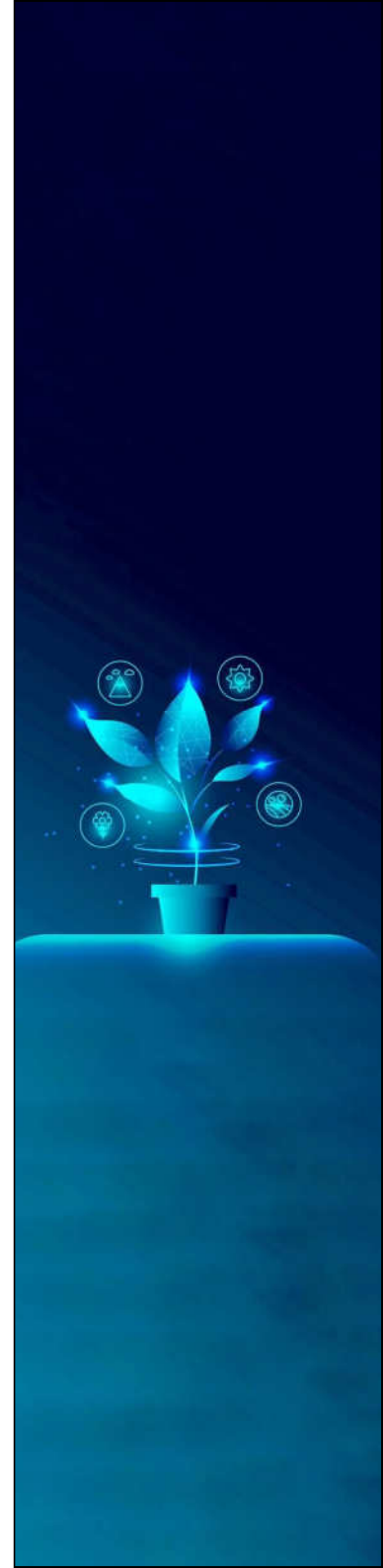
Không chỉ chú trọng triển khai các nhiệm vụ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD và đầu tư, PVTrans cũng rất coi trọng các hoạt động ASXH, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng với tổng số tiền tài trợ trong năm 2023 lên tới 8,7 tỷ đồng thông qua việc hỗ trợ cho các tỉnh/huyện khó khăn tại Quảng Trị, Hà Tĩnh, Thanh Hoá để xây dựng các công trình trường học, trạm y tế và các hoạt động ASXH khác.

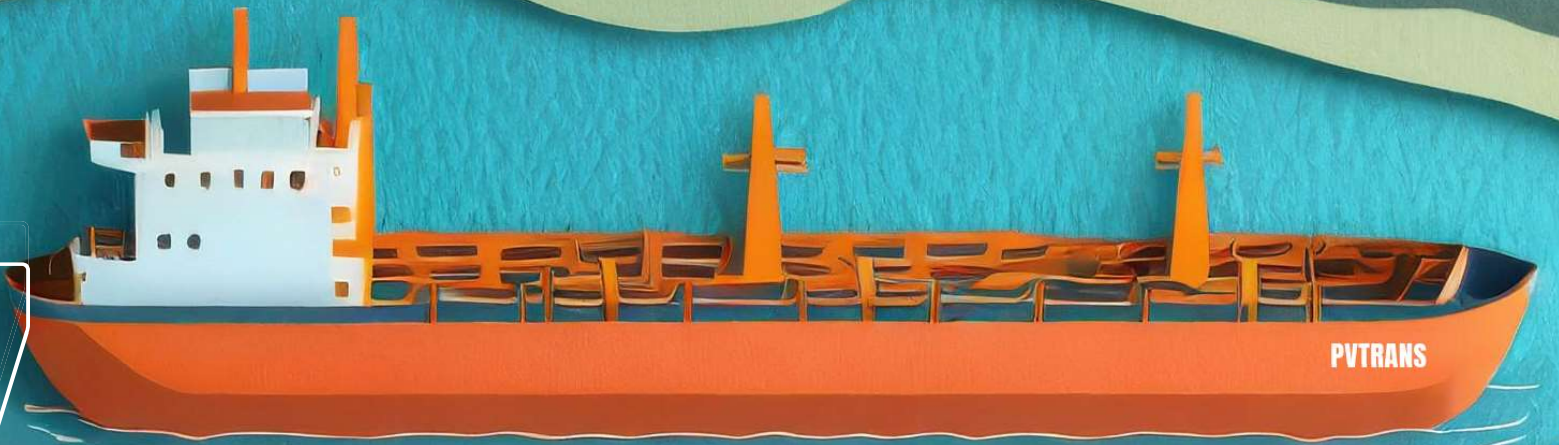




## KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

KHÍA CẠNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	LĨNH VỰC TRỌNG YẾU	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ NĂM 2023
<b>Kinh tế</b>			
Hiệu quả hoạt động kinh tế	Tăng trưởng bền vững	\$ Tổng doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)	10.135
		% Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu	6%
		\$ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ đồng)	1.222
		% Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận	6%
		Giá trị mang lại cho Cổ đông và Nhà đầu tư	\$ Giá trị chỉ trả cho Cổ đông và Nhà đầu tư (tỷ đồng)
Giá trị mang lại cho Chính phủ	\$ Đóng góp vào ngân sách Nhà nước thông qua thuế (tỷ đồng)		522
		Luơng và phúc lợi nhân viên	\$ Các khoản lương, phúc lợi cho nhân viên (tỷ đồng)
Tác động kinh tế gián tiếp	Tạo việc làm bền vững	# Việc làm tạo ra tại PVTrans (người)	2.360
<b>Xã hội</b>			
Gắn kết và trung thành	% Tỷ lệ nghỉ việc		23%
		% Tỷ lệ tai nạn lao động	0%
An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	% Tỷ lệ bệnh nghề nghiệp		0%
		% Lao động tham gia hệ thống quản trị an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	100%
Đào tạo và phát triển	# Số lượng khóa đào tạo đã tổ chức		228
		# Số lượt học viên tham gia các khóa đào tạo	4.242
Đa dạng, bình đẳng và trao đổi mở	% Tỷ lệ lãnh đạo nữ trong đội ngũ điều hành		27%
		% Tỷ lệ lao động nữ	8%
Quan hệ lao động	% Nhân viên tham gia vào thỏa ước lao động tập thể		100%
<b>Môi trường</b>			
Nhiên vật liệu	Nguồn nguyên nhiên vật liệu bền vững và kinh tế tuần hoàn	\$ Giá trị tiết kiệm từ các sáng kiến trong SXKD (tỷ đồng)	13,9
		Dầu FO (tấn)	73.422
		Dầu DO (tấn)	17.348
Điện	Sử dụng năng lượng hiệu quả	Sản lượng điện tiêu thụ (kWh)	145.129
Nước	Sử dụng nguồn nước có trách nhiệm, hiệu quả và tuần hoàn	# Tổng lượng nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	22.905
		# Tổng lượng nước thải theo nguồn (m <sup>3</sup> )	28.882
Chất thải và nước thải	Kiểm soát nước thải, chất thải và kinh tế tuần hoàn	# Tổng lượng chất thải (tấn)	68
		% Tổng lượng chất thải được xử lý	100%
		Chi phí xử lý nước thải (triệu đồng)	92
		# Sự cố liên quan đến môi trường	0
		# Xử phạt do vi phạm luật bảo vệ môi trường	0





107

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tháng 2 năm 2024

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 55

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Linh Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên
Ông Hoàng Đức Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên độc lập
Ông Đoàn Đình Thái	Thành viên độc lập

#### Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên
Bà Ngô Thị Thu Linh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2023)
Ông Kim Kwang Hyuk	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2023)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Duyên Hiếu**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 02 năm 2024



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”), được lập ngày 29 tháng 02 năm 2024, từ trang 5 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Quang Trung**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 0733-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Phan Thị Hồng Nhung**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 4310-2023-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6.297.471.017.134</b>	<b>6.286.266.493.364</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>979.225.965.598</b>	<b>1.793.749.749.410</b>
1. Tiền	111		409.175.965.598	334.156.749.410
2. Các khoản tương đương tiền	112		570.050.000.000	1.459.593.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.486.468.628.419</b>	<b>2.706.631.233.950</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	3.486.468.628.419	2.706.631.233.950
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.194.435.658.967</b>	<b>1.376.870.830.498</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	944.337.079.204	982.153.399.871
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		32.837.280.629	39.615.864.916
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	316.370.079.345	460.122.023.520
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(99.780.598.393)	(105.692.275.991)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		671.818.182	671.818.182
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>232.665.394.329</b>	<b>179.274.820.292</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	232.665.394.329	179.274.820.292
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>404.675.369.821</b>	<b>229.739.859.214</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	68.917.743.743	38.409.067.097
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		322.864.671.775	190.928.368.398
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	12.892.954.303	402.423.719

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.192.482.417.619</b>	<b>7.965.386.461.330</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>161.541.444.285</b>	<b>135.188.151.804</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		4.872.936.898	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	156.668.507.387	135.188.151.804
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.088.092.507.886</b>	<b>7.260.294.568.541</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	10.085.861.159.014	7.260.137.913.588
- Nguyên giá	222		16.167.877.454.520	12.282.576.796.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.082.016.295.506)	(5.022.438.882.640)
2. Tài sản cố định vô hình	227		2.231.348.872	156.654.953
- Nguyên giá	228		11.101.129.851	8.478.184.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.869.780.979)	(8.321.529.444)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.738.049.506</b>	<b>22.013.317.244</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.738.049.506	22.013.317.244
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>200.846.308.684</b>	<b>198.584.030.919</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	154.908.541.384	152.646.263.619
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	45.937.767.300	45.937.767.300
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>737.264.107.258</b>	<b>349.306.392.822</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	672.399.824.215	267.445.412.565
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	64.864.283.043	81.860.980.257
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>17.489.953.434.753</b>	<b>14.251.652.954.694</b>
<b>(270=100+200)</b>				

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.459.558.642.690</b>	<b>6.237.594.180.724</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.392.213.586.806</b>	<b>3.055.301.138.729</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	794.247.268.814	812.143.687.203
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	51.736.032.666	25.108.997.860
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	88.460.162.463	96.872.829.238
4. Phải trả người lao động	314		326.390.428.368	253.470.831.952
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	137.331.269.596	229.891.449.879
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		30.283.517.530	23.711.207.002
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	218.679.556.177	234.247.457.518
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	1.387.771.910.484	1.099.431.218.656
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	216.924.608.203	156.361.456.312
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		140.388.832.505	124.062.003.109
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.067.345.055.884</b>	<b>3.182.293.041.995</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	397.966.927.419	419.408.833.600
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	4.540.432.047.007	2.591.340.920.822
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	128.946.081.458	171.543.287.573
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>9.030.394.792.063</b>	<b>8.014.058.773.970</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>9.030.394.792.063</b>	<b>8.014.058.773.970</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.236.512.460.000	3.236.512.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.236.512.460.000	3.236.512.460.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		230.287.240.000	100.007.210.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.461.254.641.549	1.129.153.667.912
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		46.060.438.823	47.222.561.210
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.836.654.737.011	1.489.406.154.844
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		864.210.890.380	632.067.375.548
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		972.443.846.631	857.338.779.296
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.219.625.274.680	2.011.756.720.004
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>17.489.953.434.753</b>	<b>14.251.652.954.694</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>9.555.979.392.223</b>	<b>9.047.363.208.116</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>9.555.979.392.223</b>	<b>9.047.363.208.116</b>
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	7.717.483.802.689	7.392.334.482.981
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>1.838.495.589.534</b>	<b>1.655.028.725.135</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	370.986.529.940	221.015.971.674
6. Chi phí tài chính	22	30	466.304.340.149	314.025.500.758
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	355.216.330.968	214.451.792.020
7. Phần lãi trong công ty liên kết	24	13	26.416.860.462	27.864.503.193
8. Chi phí bán hàng	25	31	13.386.162.080	12.873.930.300
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	410.025.680.845	407.652.508.769
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+24+(21-22)- (25+26))</b>	<b>30</b>		<b>1.346.182.796.862</b>	<b>1.169.357.260.175</b>
11. Thu nhập khác	31		208.512.533.328	308.543.209.056
12. Chi phí khác	32		6.084.210.403	21.028.738.061
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>32</b>	<b>202.428.322.925</b>	<b>287.514.470.995</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.548.611.119.787</b>	<b>1.456.871.731.170</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	310.113.727.002	288.761.717.516
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	16.996.697.214	12.262.929.912
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.221.500.695.571</b>	<b>1.155.847.083.742</b>
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			972.443.846.631	857.338.779.296
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			249.056.848.940	298.508.304.446
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>34</b>	<b>2.829</b>	<b>2.494</b>
<b>19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>34</b>	<b>2.338</b>	<b>2.061</b>



**Đinh Mai Phương**  
Người lập biểu



**Đỗ Đức Hùng**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Duyên Hiếu**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Đinh Mai Phương**  
Người lập biểu



**Đỗ Đức Hùng**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Duyên Hiếu**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.548.611.119.787	1.456.871.731.170
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.354.303.769.919	1.195.322.190.412
Các khoản dự phòng	03	12.054.268.178	247.385.653.163
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	46.737.077.434	(22.649.883.527)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(397.953.120.652)	(445.326.452.333)
Chi phí lãi vay	06	355.216.330.968	214.451.792.020
Chi phí lãi trả chậm	07	24.697.862.024	23.589.985.690
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.943.667.307.658</b>	<b>2.669.645.016.595</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	65.151.448.186	45.768.421.533
Thay đổi hàng tồn kho	10	(22.849.929.493)	(37.348.365.292)
Thay đổi các khoản phải trả	11	92.289.647.747	57.136.939.029
Thay đổi chi phí trả trước	12	(435.463.088.296)	(11.061.495.335)
Tiền lãi vay đã trả	14	(505.394.431.752)	(207.640.502.037)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(341.803.947.316)	(257.519.236.373)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	14.817.962
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(96.395.006.998)	(87.096.833.516)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.699.201.999.736</b>	<b>2.171.898.762.566</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.186.166.428.696)	(1.660.712.011.334)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	74.460.047.351	389.311.827.345
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.485.508.665.429)	(4.079.231.233.950)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.713.657.057.261	3.164.447.945.205
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	283.843.770.786	166.388.292.318
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.599.714.218.727)</b>	<b>(2.019.795.180.416)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	57.644.608.127	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.564.670.776.391	1.489.439.651.977
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.368.329.636.005)	(1.090.433.809.473)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(171.852.133.700)	(40.494.919.310)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.082.133.614.813</b>	<b>358.510.923.194</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(818.378.604.178)</b>	<b>510.614.505.344</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.793.749.749.410</b>	<b>1.283.386.854.560</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.854.820.366	(251.610.494)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>979.225.965.598</b>	<b>1.793.749.749.410</b>



**Đinh Mai Phương**  
Người lập biểu



**Đỗ Đức Hùng**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Duyên Hiếu**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

##### Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 6 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 5 năm 2007. Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 12 năm 2007, với mã chứng khoán là PVT.

Công ty mẹ có 2 chi nhánh là:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (Chi nhánh PSM)
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí (Chi nhánh OFS)

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 868 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 921 người).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

##### Các Công ty con

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	61.200.000	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	40.563.200	69,63%	53,75%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	151 Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	53.550.000	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ quản lý tàu; cung cấp nhiên liệu trong nước và nhập khẩu tạm thời đối với các tàu biển, tái xuất; vận chuyển khí hóa lỏng LPG trong vùng biển nội địa và quốc tế; dịch vụ: đại lý tàu biển.
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	Tầng 13, Tòa nhà Sofic, Số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	37.932.347	67,98%	67,98%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.
Công ty Cổ phần Hàng Hải Thăng Long	Tầng lửng, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	15.600.000	99,85%	99,85%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	P806, lầu 08 Citilight Tower, số 45 V6 Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	22.350.244	51,87%	52,32%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Oriental, Số 324 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Hà Nội	13.608.003	50,50%	50,50%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác; kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyến đặng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân, Hà Nội	5.247.000	52,47%	52,47%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas; chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Lô CN08, Đường số 6, Khu công nghiệp Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	1.266.667	50,67%	50,67%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.

14

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng Công ty đã góp 98 tỷ đồng, tương ứng với 49% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô, dầu sản phẩm, hóa chất, hàng khô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất**

15

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	5 - 20
Thiết bị văn phòng	2 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế, công ty con, đã thay đổi thời gian khấu hao của các tàu vận tải gồm 2 tàu vận tải gồm Thăng Long Gas và Đà Nẵng Gas với thời gian khấu hao thay đổi từ 13 năm xuống 11 năm. Chi tiết ảnh hưởng của việc thay đổi này được trình bày tại Thuyết minh số 12.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định định kỳ

Đối với tài sản cố định là tàu vận tải thì việc sửa chữa lớn sẽ mang tính chất định kỳ, bao gồm các chi phí sửa chữa và duy tu tàu theo yêu cầu kỹ thuật nhằm khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của tàu. Theo quy định kế toán hiện hành thì Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tàu vận tải khi thực tế phát sinh hay lập dự phòng trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng loại tàu. Tổng Công ty và các công ty con hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tàu vận tải như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

- Đối với trường hợp ghi nhận theo thực tế phát sinh: Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ sẽ được ghi nhận khi thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ ngày phát sinh đến kỳ sửa chữa tiếp theo;
- Đối với trường hợp dự phòng trích trước: Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào dự toán cho đến kỳ dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại kỳ phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính đó.

### Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

#### Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán, trừ khi áp dụng phương pháp tính khác hợp lý hơn.

#### Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán, trừ khi áp dụng phương pháp tính khác hợp lý hơn.

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và giấy chứng nhận được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6 năm.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị tiền thuê tàu trả trước, chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tàu và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Ghi nhận doanh thu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền đã nhận trước từ khách hàng về cho thuê tài sản nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

### Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.977.037.453	2.470.802.886
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	406.198.928.145	331.685.946.524
Các khoản tương đương tiền (*)	570.050.000.000	1.459.593.000.000
	<b>979.225.965.598</b>	<b>1.793.749.749.410</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 2,20%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 0,2%/năm đến 6,0%/năm).

**5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN**

	Giá gốc VND	Số cuối năm Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Số đầu năm Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.486.468.628.419	3.486.468.628.419	2.706.631.233.950	2.706.631.233.950
	<b>3.486.468.628.419</b>	<b>3.486.468.628.419</b>	<b>2.706.631.233.950</b>	<b>2.706.631.233.950</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 3,8%/năm đến 9,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 4,3%/năm đến 10,7%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con đã sử dụng một số khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngân hàng thương mại với số tiền là 30.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, 41.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20) và 147.512.990.750 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 22).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Vận Tải Biển Châu Á Thái Bình Dương	90.191.509.596	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí Anpha	51.034.793.643	-
Văn phòng điều hành Idemitsu Gas Production (Vietnam) Co., Ltd. tại Thành phố Hồ Chí Minh	42.456.986.084	31.761.595.180
Công ty TNHH Vận tải Dầu khí OPEC	-	225.562.992.901
Các đối tượng khác	325.826.633.537	295.172.963.602
<b>b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)</b>	<b>434.827.156.344</b>	<b>429.655.848.188</b>
	<b>944.337.079.204</b>	<b>982.153.399.871</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	71.024.188.568	224.446.403.960
Phải thu tiền bồi thường (*)	76.443.955.664	77.610.499.530
Trích trước lãi tiền gửi	71.623.963.676	42.509.167.078
Tạm ứng cho nhân viên	22.254.082.511	15.347.148.193
sỔ tức và lợi nhuận được chia	1.192.892.580	1.143.555.090
Các khoản phải thu khác	73.830.996.346	99.065.249.669
	<b>316.370.079.345</b>	<b>460.122.023.520</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	155.902.637.467	135.188.151.804
Các khoản phải thu khác	765.869.920	-
	<b>156.668.507.387</b>	<b>135.188.151.804</b>
<b>Trong đó, phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 38)</b>		
Ngắn hạn	7.911.783.057	19.649.227.684
	<b>7.911.783.057</b>	<b>19.649.227.684</b>

(\*) Đây là khoản phải thu của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương, công ty con, liên quan tới Bà Huỳnh Thị Huyền Như phát sinh từ năm 2011. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi số tiền này là thấp và đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này trong năm 2012.

Trong năm, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương, công ty con, đã thu hồi được số tiền bồi thường là 1.166.543.866 đồng và cũng đã giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi từ Bà Huỳnh Thị Huyền Như số tiền tương ứng.

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Đối tượng nợ</b>				
Bà Huỳnh Thị Huyền Như	76.443.955.664	-	77.610.499.530	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Anh Vũ	-	-	3.082.546.497	-
Đối tượng khác	23.356.117.131	19.474.402	25.349.654.480	350.424.516
	<b>99.800.072.795</b>	<b>19.474.402</b>	<b>106.042.700.507</b>	<b>350.424.516</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đi đường	-	-	944.925.083	-
Nguyên liệu, vật liệu	232.413.377.419	-	177.869.236.201	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	98.871.539	-	420.225.195	-
Thành phẩm	153.145.371	-	40.433.813	-
	<b>232.665.394.329</b>	<b>-</b>	<b>179.274.820.292</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.223.058.161	1.768.841.352
Cước thuê tàu trả trước	26.768.693.892	307.040.504
Chi phí bảo hiểm	26.050.632.909	15.075.997.854
Khác	13.875.358.781	21.257.187.387
	<b>68.917.743.743</b>	<b>38.409.067.097</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn	191.454.745.011	121.934.798.368
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản	434.497.363.195	103.231.067.990
Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ	14.933.626.185	20.343.991.280
Khác	31.514.089.824	21.935.554.927
	<b>672.399.824.215</b>	<b>267.445.412.565</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	18.995.773	-	-	18.995.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.508.007.181	-	12.508.007.181
Các loại thuế khác	383.427.946	-	17.476.597	365.951.349
	<b>402.423.719</b>	<b>12.508.007.181</b>	<b>17.476.597</b>	<b>12.892.954.303</b>
	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	10.596.819.369	166.703.054.968	155.926.721.487	21.373.152.850
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.906.310.343	1.906.310.343	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.423.580.810	310.113.727.002	329.295.940.135	61.241.367.677
Thuế thu nhập cá nhân	5.803.380.944	35.348.431.411	35.307.598.527	5.844.213.828
Thuế nhà thầu	1.428.108	4.765.116.118	4.765.116.118	1.428.108
Thuế môn bài	-	21.500.000	21.500.000	-
Các loại thuế khác	47.620.007	3.447.861.582	3.495.481.589	-
	<b>96.872.829.238</b>	<b>522.306.001.424</b>	<b>530.718.668.199</b>	<b>88.460.162.463</b>

## 12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	6.833.646.056	57.872.669.717	12.194.955.234.195	22.915.247.260	12.282.576.796.228
Mua trong năm	-	6.000.824.969	4.161.058.048.796	6.658.552.346	4.173.717.426.111
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	21.643.692.244	-	21.643.692.244
Thanh lý, nhượng bán	-	(799.892.137)	(307.946.704.726)	-	(308.746.596.863)
Giảm khác	-	-	-	(1.313.863.200)	(1.313.863.200)
Số dư cuối năm	6.833.646.056	63.073.602.549	16.069.710.270.509	28.259.936.406	16.167.877.454.520
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	(1.350.208.008)	(13.966.488.426)	(4.987.683.574.907)	(19.438.611.299)	(5.022.438.892.640)
Khấu hao trong năm	(300.046.224)	(11.561.871.135)	(1.338.194.189.476)	(3.699.411.549)	(1.353.755.518.394)
Thanh lý, nhượng bán	-	118.083.344	292.746.158.974	-	292.864.242.318
Phân loại lại	-	(7.348.845.437)	7.478.923.822	(130.078.395)	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	1.313.863.200	1.313.863.200
Số dư cuối năm	(1.650.254.232)	(32.759.121.654)	(6.025.652.681.587)	(21.954.238.033)	(6.082.016.295.506)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	5.483.437.048	43.906.181.291	7.207.271.659.288	3.476.635.961	7.260.137.913.588
Tại ngày cuối năm	5.183.390.824	30.314.480.895	10.044.057.588.922	6.305.698.373	10.085.861.159.014

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 13.938.597.696.029 đồng và 9.069.372.071.100 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 9.652.463.086.192 đồng và 5.388.349.672.476 đồng) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 677.728.809.852 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 674.848.692.408 đồng).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế, công ty con, đã thay đổi thời gian trích khấu hao của phương tiện vận tải là tàu Thăng Long Gas và tàu Đà Nẵng Gas từ 13 năm xuống 11 năm. Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình trạng kỹ thuật và tình hình thực tế sử dụng tài sản. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn cung cấp dịch vụ sẽ giảm và lợi nhuận trước thuế sẽ tăng trong năm 2023 với số tiền tương ứng của tàu Thăng Long Gas và Đà Nẵng Gas lần lượt là 5.557.878.888 đồng và 5.651.793.936 đồng.

## 13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào công ty liên kết	98.000.000.000	98.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	56.908.541.384	54.646.263.619
	<b>154.908.541.384</b>	<b>152.646.263.619</b>

Giá gốc khoản đầu tư và thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	98.000.000.000	98.000.000.000
	<b>98.000.000.000</b>	<b>98.000.000.000</b>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng Công ty đã góp 98 tỷ đồng, tương ứng với 49% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	679.098.294.090	556.068.770.316
Tổng công nợ	(362.958.413.712)	(244.545.783.338)
Tài sản thuần	316.139.880.378	311.522.986.978
<b>Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>154.908.541.384</b>	<b>152.646.263.619</b>
	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lợi nhuận sau thuế	53.911.960.129	56.866.333.048
<b>Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>26.416.860.462</b>	<b>27.864.503.193</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
PV KEEZ Pte., Ltd.	45.937.767.300	-	45.937.767.300	-
	<b>45.937.767.300</b>	<b>-</b>	<b>45.937.767.300</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là 2.389.343 Đô la Mỹ vào Công ty PV KEEZ Pte., Ltd. (thành lập tại Singapore) tương đương 2.389.343 cổ phần ưu đãi cổ tức hưởng mức cổ tức cố định 8%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản đầu tư vào đơn vị khác không có dấu hiệu bị giảm giá, nên dự phòng không cần thiết phải trích lập.

Tổng Công ty chưa đánh giá và chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Dự phòng	Chi phí trích trước	Khác	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>26.659.804.600</b>	<b>17.882.775.226</b>	<b>49.581.330.343</b>	<b>94.123.910.169</b>
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(2.162.495.811)	4.609.152.419	(14.709.586.520)	(12.262.929.912)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>24.497.308.789</b>	<b>22.491.927.645</b>	<b>34.871.743.823</b>	<b>81.860.980.257</b>
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	26.590.219.431	(22.491.927.645)	(21.094.989.000)	(16.996.697.214)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>51.087.528.220</b>	<b>-</b>	<b>13.776.754.823</b>	<b>64.864.283.043</b>

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba</b>				
Công ty Cổ phần cung ứng nhiên liệu tàu biển Vina	29.209.152.000		71.056.060.650	
Công ty TNHH Vận Tải Dầu Khí Việt Mỹ	27.509.411.305		32.910.016.821	
Công ty TNHH All Marine	27.292.949.516		13.516.200.466	
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Dầu khí Ovtrans			-	168.473.415.000
Công ty TNHH Gas Venus			-	58.358.550.960
Phải trả cho các đối tượng khác	553.821.155.557		376.162.015.234	
<b>b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)</b>	<b>156.414.600.436</b>		<b>91.667.428.072</b>	
	<b>794.247.268.814</b>		<b>812.143.687.203</b>	

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
Tricon Energy Ltd	19.665.230.397		-	
Mansel Pte Ltd	11.284.317.514		-	
Mji (S) Pte Ltd	6.739.238.950		-	
Petco Trading Labuan Company Limited	6.629.425.000		4.820.198.163	
Khác	7.417.820.805		20.288.799.697	
	<b>51.736.032.666</b>		<b>25.108.997.860</b>	

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
Chi phí lãi vay	30.345.238.021		17.714.368.074	
Lãi trả chậm	2.762.272.672		140.873.381.379	
Chi phí thuê tàu	-		11.248.020.000	
Chi phí khác	104.223.758.903		60.055.680.426	
	<b>137.331.269.596</b>		<b>229.891.449.879</b>	

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Kinh phí công đoàn	1.959.632.328		1.914.926.209	
Bảo hiểm xã hội,	634.263.877		992.938.540	
Bảo hiểm y tế	187.085.352		95.334.919	
Bảo hiểm thất nghiệp	111.730.184		14.502.571	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	95.592.952.484		150.312.111.251	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.462.427.670		9.843.961.570	
Phải trả tiền mua tàu vận tải từ PVN (**)	77.556.117.333		46.533.670.400	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.175.346.949		24.540.012.058	
	<b>218.679.556.177</b>		<b>234.247.457.518</b>	
<b>b. Dài hạn</b>				
Phải trả tiền mua tàu vận tải từ PVN (**)	310.224.469.334		418.803.033.600	
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	87.742.458.085		605.800.000	
	<b>397.966.927.419</b>		<b>419.408.833.600</b>	
<b>Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)</b>				
Ngắn hạn	77.889.591.562		47.806.884.854	
Dài hạn	339.767.749.334		418.803.033.600	
	<b>417.657.340.896</b>		<b>466.609.918.454</b>	

(\*) Nhận ký quỹ, ký cược thể hiện số tiền ký quỹ nhận từ khách hàng để đảm bảo cho việc thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý kho nổi, dịch vụ vận tải, cho thuê tàu, và các hợp đồng khác. Những khoản ký quỹ, ký cược này không chịu lãi và sẽ được hoàn trả lại cho khách hàng tại ngày kết thúc hợp đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

(\*\*) Phải trả tiền mua tàu vận tải từ PVN thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT từ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Khoản phải trả dài hạn khác được hoàn trả theo lịch sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	77.556.117.333	46.533.670.400
Trong năm thứ hai	77.556.117.333	46.533.670.400
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	232.668.352.001	372.269.363.200
	<b>387.780.586.667</b>	<b>465.336.704.000</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần phải trả ngắn hạn khác)	(77.556.117.333)	(46.533.670.400)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>310.224.469.334</b>	<b>418.803.033.600</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**20. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu năm	Nhận nợ VND	Hoàn trả VND	Phân loại lại VND	Trong năm	Số cuối năm
	Giá trị VND				Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị VND
Vay ngắn hạn(*)	257.289.517.181	533.255.040.511	(440.055.660.867)	(115.572.000.000)	283.896.534	235.200.793.359
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	842.141.701.475	-	(1.022.696.868.258)	1.325.425.593.605	7.700.690.303	1.152.571.117.125
	<b>1.099.431.218.656</b>	<b>533.255.040.511</b>	<b>(1.462.752.529.125)</b>	<b>1.209.853.593.605</b>	<b>7.984.586.837</b>	<b>1.387.771.910.484</b>

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.

(\*) Trong đó vay ngắn hạn bao gồm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TPHCM	199.500.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	35.700.793.359	48.154.354.321
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	54.507.461.679
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	-	39.055.701.181
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	-	115.572.000.000
	<b>235.200.793.359</b>	<b>257.289.517.181</b>

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay ngắn hạn với các ngân hàng thương mại và cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay theo mỗi khoản vay từ 1 đến tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay với ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TPHCM không được đảm bảo bằng tài sản thế chấp, khoản vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được bảo lãnh bằng là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt, công ty con. Lãi suất vay áp dụng sẽ được ghi trên Giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Dự phòng khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	304.664.345.983	23.240.397.902	327.904.743.885
Trích lập thuận trong năm	168.290.578.011	8.913.214.728	177.203.792.739
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(135.997.449.061)	-	(135.997.449.061)
Phân loại lại	-	(23.240.397.902)	(23.240.397.902)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>336.957.474.933</b>	<b>8.913.214.728</b>	<b>345.870.689.661</b>

Chi tiết các khoản dự phòng phải trả:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	216.924.608.203	156.361.456.312
Dự phòng phải trả dài hạn	128.946.081.458	171.543.287.573
	<b>345.870.689.661</b>	<b>327.904.743.885</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

22. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm	Nhận nợ VND	Hoàn trả VND	Phân loại lại VND	Trong năm	Số cuối năm
	Giá trị VND				Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị VND
Vay dài hạn	2.591.340.920.822	3.125.838.629.000	-	(1.209.853.593.605)	33.106.090.790	4.540.432.047.007

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.

Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	438.571.200.496	391.698.941.190
Ngân hàng Oversea-Chinese Banking Corporation	115.815.919.349	37.873.080.000
Ngân hàng Wooribank Việt Nam	103.701.892.856	54.456.027.256
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	93.458.831.004	90.908.766.600
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	85.272.516.298	63.658.420.646
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	67.244.973.448	101.750.013.447
Ngân hàng Woori - Chi nhánh Hong Kong	63.010.637.760	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Tây Sài Gòn	53.385.760.000	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	50.862.841.914	67.912.508.336
Kasikornbank Public Company Limited- Thailand	37.362.600.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	13.883.944.000	13.883.944.000
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	30.000.000.000	-
	<b>1.152.571.117.125</b>	<b>842.141.701.475</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>b. Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	1.806.597.974.171	1.393.532.326.762
Ngân hàng Oversea-Chinese Banking Corporation	228.014.967.589	85.214.430.000
Ngân hàng Wooribank Việt Nam	508.032.348.218	231.192.106.674
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	197.959.8665.334	283.415.289.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	141.908.326.958	224.568.201.452
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	103.996.987.156	195.331.203.106
Ngân hàng Woori - Chi nhánh Hong Kong	346.558.312.240	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Tây Sài Gòn	583.793.839.000	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	101.725.683.828
Kasikornbank Public Company Limited- Thailand	214.834.950.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	62.477.736.000	76.361.680.000
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	346.256.740.341	-
	<b>4.540.432.047.007</b>	<b>2.591.340.920.822</b>

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính và hợp đồng bảo lãnh với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Các hợp đồng này có tổng hạn mức tín dụng là 2.185,203 tỷ đồng và 212.394.163 Đô la Mỹ. Các khoản vay được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi (Thuyết minh số 5), phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty (Thuyết minh số 12), quyền tài sản phát sinh từ một số hợp đồng mua bán tàu và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, công ty con. Các khoản vay này chịu lãi suất hàng năm theo LIBOR 3 tháng hoặc 6 tháng cộng từ 1,8%/năm đến 6%/năm cho khoản vay bằng tiền Đô la Mỹ, lãi suất hàng năm từ 5,0%/năm đến 8,84%/năm cho khoản vay bằng tiền Đồng Việt Nam.

Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, công ty con, đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ông Nguyễn Hồng Hiệp - cổ đông Công ty con để tài trợ cho chi phí trả trước tiền thuê tàu. Khoản vay này không chịu lãi suất và không được đảm bảo bằng tài sản của Công ty con.

Các khoản vay dài hạn ngân hàng được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	1.122.571.117.125	842.141.701.475
Trong năm thứ hai	1.067.162.303.388	728.094.186.748
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.322.180.028.021	1.533.091.466.412
Sau năm năm	804.832.975.257	330.155.267.662
	<b>5.316.746.423.791</b>	<b>3.433.482.622.297</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(1.122.571.117.125)	(842.141.701.475)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>4.194.175.306.666</b>	<b>2.591.340.920.822</b>

Các khoản vay từ ông Nguyễn Hồng Hiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với tổng số tiền là 376.256.740.341 đồng, bao gồm vay dài hạn đến hạn trả với số tiền là 30.000.000.000 đồng và vay dài hạn phải trả với số tiền là 346.256.740.341 đồng. Khoản vay liên quan đến tàu Pacific Hope có phụ lục thỏa thuận điều chỉnh thời hạn trả gốc của khoản vay đến khi hết thời gian vay là ngày 05 tháng 11 năm 2027, đó đó số dư của khoản vay này được phân loại ở dài hạn. Lịch trả nợ của các khoản vay dài hạn còn lại chưa được xác định chắc chắn do phụ thuộc vào hoạt động khai thác các tàu nên Tổng Công ty không thuyết minh chi tiết lịch biểu trả nợ vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Số cổ phần	Số cuối năm VND	Số cổ phần	Số đầu năm VND
Được phép phát hành	323.651.246	3.236.512.460.000	323.651.246	3.236.512.460.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	323.651.246	3.236.512.460.000	323.651.246	3.236.512.460.000

<b>Cổ phần</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng + Cổ phần phổ thông	323.651.246	323.651.246
Số lượng cổ phần đang lưu hành + Cổ phần phổ thông	323.651.246	323.651.246

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.

Chi tiết cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.650.664.920.000	51	1.650.664.920.000	51



## Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quy đầu tư phát triển VND	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>3.236.512.460.000</b>	<b>49.040.540.000</b>	<b>967.502.014.089</b>	<b>47.218.399.245</b>	<b>894.592.418.523</b>	<b>1.768.331.883.321</b>	<b>6.963.197.715.178</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	857.338.779.296	298.508.304.446	1.155.847.083.742
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(42.838.277.170)	(42.838.277.170)
Phân phối quỹ	-	-	161.112.032.862	-	(161.112.032.862)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(37.158.203.343)	(7.761.931.040)	(44.920.134.383)
phúc lợi	-	-	-	-	(7.015.707.213)	(1.141.732.797)	(8.157.440.010)
Quy khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(7.015.707.213)	(1.141.732.797)	(8.157.440.010)
Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	50.966.670.000	-	-	(50.966.670.000)	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	539.820.961	4.161.965	(6.272.429.557)	(3.341.526.756)	(9.070.173.387)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>3.236.512.460.000</b>	<b>100.007.210.000</b>	<b>1.129.153.867.912</b>	<b>47.222.561.210</b>	<b>1.469.408.154.844</b>	<b>2.011.756.720.004</b>	<b>8.014.058.773.970</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	57.644.608.127	57.644.608.127
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	972.443.846.631	249.056.848.940	1.221.500.695.571
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(97.095.373.800)	(76.375.226.000)	(173.470.599.800)
Phân phối quỹ (**)	-	-	332.033.269.279	(1.162.122.387)	(330.871.146.892)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(50.120.654.500)	(14.455.113.105)	(64.575.767.605)
phúc lợi (**)	-	-	-	-	(50.120.654.500)	(14.455.113.105)	(64.575.767.605)
Quy khen thưởng Ban điều hành (**)	-	-	-	-	(11.340.866.767)	(4.724.131.103)	(16.064.997.870)
Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	130.280.030.000	-	-	(130.280.030.000)	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	67.704.358	-	(5.487.192.505)	(3.278.432.183)	(8.697.920.330)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>3.236.512.460.000</b>	<b>230.287.240.000</b>	<b>1.461.254.841.549</b>	<b>46.060.438.823</b>	<b>1.836.854.737.011</b>	<b>2.219.625.274.880</b>	<b>9.030.394.792.063</b>

36

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTDK-DHĐCĐ2023 ngày 11 tháng 04 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2022 ở mức 3% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 97.095.373.800 đồng. Tổng công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2023 với số tiền là 97.030.132.400 đồng.

(\*\*) Số trích lập các quỹ trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTDK-DHĐCĐ2023 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Tổng Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con.

Trong năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 323.651.246.000 đồng theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-DHĐCĐ2022 ngày 30 tháng 06 năm 2022. Ngày 19 tháng 01 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty đã thông qua nghị quyết về việc triển khai thực hiện phương án tăng vốn điều lệ này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện các thủ tục theo qui định, do đó cổ phiếu này vẫn chưa được phát hành.

Trong năm 2023, theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-DHĐCĐ2023 ngày 11 tháng 04 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty tiếp tục phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10% vốn điều lệ sau khi hoàn thành tăng vốn lên 3.560 tỷ đồng, tương ứng với số tiền là 356.016.370.000 đồng như đã phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-DHĐCĐ2022 đề cập ở trên. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện các thủ tục theo qui định, do đó cổ phiếu này vẫn chưa được phát hành.

## 24. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ ("USD")	10.657.456,20	5.880.653,22
- Euro ("EUR")	9.763,45	626.769,96
- Đô la Singapore ("SGD")	833,00	126,40

## 25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

## Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ kho nổi, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: kinh doanh vận tải bằng tàu;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ kho nổi: cung cấp kho nổi, quản lý và cung cấp các dịch vụ liên quan đến kho nổi cho mỏ dầu;
- Bộ phận kinh doanh thương mại: kinh doanh mua bán mặt hàng LPG, xăng dầu và hàng hóa khác;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác: cung cấp dịch vụ quản lý tàu biển, cung ứng quản lý nguồn lao động và các dịch vụ khác.

37

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thông tin bổ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Số cuối năm	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	14.312.066.112.114	964.093.322.792	144.602.492.074	340.534.158.131	15.761.296.085.111
Lãi từ công ty liên kết					56.908.541.384
Tài sản không phân bổ					1.671.748.808.258
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>17.489.953.434.753</b>
Nợ phải trả bộ phận	7.797.473.191.830	240.384.417.453	110.821.687.631	160.989.562.593	8.309.668.859.507
Nợ phải trả không phân bổ					149.889.783.183
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>8.459.558.642.690</b>

Số đầu năm	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	10.721.157.334.134	1.199.538.224.801	299.701.202.821	615.413.876.369	12.835.810.638.125
Lãi từ công ty liên kết					54.646.263.619
Tài sản không phân bổ					1.361.196.052.950
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>14.251.652.954.694</b>
Nợ phải trả bộ phận	5.408.540.972.046	313.125.264.306	257.281.890.126	50.161.192.465	6.029.109.318.943
Nợ phải trả không phân bổ					208.484.861.781
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>6.237.594.180.724</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Năm nay	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.667.033.273.032	599.347.202.161	772.531.838.565	517.067.078.465	9.555.979.392.223
Tổng doanh thu	7.667.033.273.032	599.347.202.161	772.531.838.565	517.067.078.465	9.555.979.392.223
<b>Giá vốn</b>					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	6.107.288.321.007	372.363.287.403	762.742.147.498	475.090.046.781	7.717.483.802.689
Tổng giá vốn	6.107.288.321.007	372.363.287.403	762.742.147.498	475.090.046.781	7.717.483.802.689
<b>Lợi nhuận gộp</b>					
Lợi nhuận gộp	1.559.744.952.025	226.983.914.758	9.789.691.067	41.977.031.684	1.838.495.589.534
Chi phí không phân bổ					(423.411.842.925)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>1.415.083.746.609</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					370.986.529.940
Phân lãi trong công ty liên kết					26.416.860.462
Lợi nhuận khác					202.428.322.925
Chi phí tài chính					(466.304.340.149)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>					<b>1.548.611.119.787</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(310.113.727.002)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(16.996.697.214)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>					<b>1.221.500.695.571</b>
<b>Thông tin khác</b>					
Khấu hao					1.354.303.769.919

s

Năm trước	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.801.441.169.869	795.548.143.222	1.168.002.406.369	282.371.488.656	9.047.363.208.116
Tổng doanh thu	6.801.441.169.869	795.548.143.222	1.168.002.406.369	282.371.488.656	9.047.363.208.116
<b>Giá vốn</b>					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	5.430.606.886.037	568.824.037.431	1.158.114.029.147	234.789.530.366	7.392.334.482.981
Tổng giá vốn	5.430.606.886.037	568.824.037.431	1.158.114.029.147	234.789.530.366	7.392.334.482.981
<b>Lợi nhuận gộp</b>					
Lợi nhuận gộp	1.370.834.283.832	226.724.105.791	9.888.377.222	47.581.958.290	1.655.028.725.135
Chi phí không phân bổ					(420.526.439.069)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					<b>1.234.502.286.066</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					221.015.971.674
Phân lãi trong công ty liên kết					27.864.503.193
Lợi nhuận khác					287.514.470.995
Chi phí tài chính					(314.025.500.758)
Lợi nhuận trước thuế					<b>1.456.871.731.170</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(288.761.717.516)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(12.262.929.912)
Lợi nhuận trong năm					<b>1.155.847.083.742</b>
<b>Thông tin khác</b>					
Khấu hao					1.195.322.190.412

40

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải và dịch vụ thương mại. Doanh thu từ dịch vụ thương mại toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam, trong khi doanh thu vận tải được thực hiện ở cả Việt Nam (chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất, kho cảng Thị Vải đến các địa phương) và quốc tế (vận chuyển tại khu vực Đông Nam Á, Nam Trung Quốc và khu vực Nam Mỹ).

Chi tiết doanh thu vận tải theo khu vực địa lý như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu vận tải</b>		
Vận tải nội địa	3.429.935.949.439	3.045.817.245.648
Vận tải quốc tế	4.237.097.323.593	3.755.623.924.221
	<b>7.667.033.273.032</b>	<b>6.801.441.169.869</b>
<b>Giá vốn vận tải</b>		
Vận tải nội địa	2.594.830.246.496	2.382.017.081.529
Vận tải quốc tế	3.512.458.074.511	3.048.589.804.508
	<b>6.107.288.321.007</b>	<b>5.430.606.886.037</b>

Do đặc thù kinh doanh vận tải bằng tàu biển, tàu biển có thể vừa chạy tuyến nội địa, vừa chạy tuyến quốc tế nên Ban Tổng Công ty không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

**26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	7.667.033.273.032	6.801.441.169.869
Dịch vụ kho nổi	599.347.202.161	795.548.143.222
Thương mại	772.531.838.565	1.168.002.406.369
Dịch vụ khác	517.067.078.465	282.371.488.656
	<b>9.555.979.392.223</b>	<b>9.047.363.208.116</b>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	6.107.288.321.007	5.430.606.886.037
Dịch vụ kho nổi	372.363.287.403	568.824.037.431
Thương mại	762.742.147.498	1.158.114.029.147
Dịch vụ khác	475.090.046.781	234.789.530.366
	<b>7.717.483.802.689</b>	<b>7.392.334.482.981</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.670.012.154.462	1.614.449.661.484
Chi phí nhân công	1.043.525.878.428	1.027.214.894.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.354.303.769.919	1.195.322.190.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.704.009.855.553	2.410.236.966.943
Chi phí khác bằng tiền	606.301.839.754	407.523.180.056
	<b>7.378.153.498.116</b>	<b>6.654.746.892.903</b>

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ủy thác đầu tư	307.338.299.803	159.198.555.458
Lãi chênh lệch tỷ giá	56.627.386.441	57.318.754.756
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.620.267.581	4.498.661.460
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.400.576.115	-
	<b>370.986.529.940</b>	<b>221.015.971.674</b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	355.216.330.968	214.451.792.020
Lãi trả chậm	24.697.862.024	23.589.985.690
Lỗ chênh lệch tỷ giá	84.115.359.254	73.334.001.919
Chi phí tài chính khác	2.274.787.903	2.649.721.129
	<b>466.304.340.149</b>	<b>314.025.500.758</b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí lương	2.933.198.220	2.944.742.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.033.355.326	8.517.954.844
Chi phí khác	1.419.608.534	1.411.232.578
	<b>13.386.162.080</b>	<b>12.873.930.300</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí lương	199.812.920.501	186.856.997.862
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(5.911.677.598)	7.692.007.336
Chi phí mua ngoài	123.039.258.777	114.168.079.541
Chi phí khác	93.085.179.165	98.935.424.030
	<b>410.025.680.845</b>	<b>407.652.508.769</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**32. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	58.577.692.806	253.764.732.222
Thu từ bồi thường cổ đông (*)	75.450.789.659	-
Thu từ bồi thường bảo hiểm và phí lưu tàu	51.585.585.943	28.732.770.835
Thu nhập khác	22.898.464.920	26.045.705.999
<b>Thu nhập khác</b>	<b>208.512.533.328</b>	<b>308.543.209.056</b>
Chi phí phạt	485.207	5.372.643.777
Chi phí khác	6.083.725.196	15.656.094.284
<b>Chi phí khác</b>	<b>6.084.210.403</b>	<b>21.028.738.061</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>202.428.322.925</b>	<b>287.514.470.995</b>

(\*) Như trình bày tại thuyết minh số 7, đây là khoản thu nhập của Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, công ty con, từ cổ đông lớn của công ty con này là Ông Nguyễn Hồng Hiệp liên quan đến việc bù đắp chi phí năm đảm bảo hiệu quả khai thác tàu theo cam kết.

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	1.548.611.119.787	1.456.871.731.170
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết	(26.416.860.462)	(27.864.503.193)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.565.399.788	4.502.031.143
Điều chỉnh khác:		
Trừ: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(216.259.073.779)	(120.475.561.204)
Cộng: Chênh lệch tạm thời không được khấu trừ	167.607.571.493	137.473.344.706
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.478.108.156.827</b>	<b>1.450.507.042.622</b>
Thuế suất hiện hành	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>295.621.631.365</b>	<b>290.101.408.525</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	14.492.095.637	(1.339.691.009)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm</b>	<b>310.113.727.002</b>	<b>288.761.717.516</b>

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**34. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm (VND)	1.221.500.695.571	1.155.847.083.742
Phân bổ cho:		
- Cổ đông không kiểm soát (VND)	249.056.848.940	298.508.304.446
- Cổ đông của Công ty mẹ (VND)	972.443.846.631	857.338.779.296
Trừ: trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(56.849.781.247)	(50.120.654.500)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>915.594.065.384</b>	<b>807.218.124.796</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	323.651.246	323.651.246
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>2.829</b>	<b>2.494</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế năm tài chính như trên và số liệu ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích bằng 5,8% lợi nhuận sau thuế, tương ứng với tỷ lệ trích trung bình trong năm 2022 của Công ty mẹ và các công ty con. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Tổng Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2023.

Ngoài ra lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được trình bày lại do ảnh hưởng của số thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày VND	Thay đổi VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận trong năm (VND)	1.155.847.083.742	-	1.155.847.083.742
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(48.286.234.950)	(1.834.419.550)	(50.120.654.500)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	809.052.544.346	(1.834.419.550)	807.218.124.796
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	323.651.246	-	323.651.246
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>2.500</b>	<b>(6)</b>	<b>2.494</b>

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty năm 2022 và 2023 đã phê duyệt việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2021 với tỷ lệ 10% và từ lợi nhuận năm 2022 với tỷ lệ là 10%. Theo đó, việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**Lợi nhuận:**

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	915.594.065.384	807.218.124.796

**Số cổ phiếu:**

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	323.651.246	323.651.246
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	67.966.761	67.966.761
<b>Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>391.618.007</b>	<b>391.618.007</b>

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	915.594.065.384	807.218.124.796
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	391.618.007	391.618.007
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.338</b>	<b>2.061</b>

**35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Tổng Công ty là bên đi thuê:**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	408.470.311.692	173.198.113.819

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết với bên cho thuê không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	499.362.328.248	217.606.646.846
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.110.675.237.603	723.181.896.233
Sau năm năm	782.179.884.902	538.242.286.000
	<b>2.392.217.450.753</b>	<b>1.479.030.829.079</b>

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê xe, thuê văn phòng, thuê tàu và thuê cơ sở hạ tầng của Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản thuê xe được ký với thời hạn từ 1 năm tới 6 năm. Các khoản thuê văn phòng được ký cho các giai đoạn từ 1 năm đến 6 năm. Khoản thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 đến 7 năm. Các khoản thuê cơ sở hạ tầng được ký với thời hạn không quá 5 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### Tổng Công ty là bên cho thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	1.811.786.044.396	1.646.518.806.544

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	972.730.947.905	436.251.841.354
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	390.398.897.104	296.625.000
	<b>1.363.129.845.009</b>	<b>436.548.466.354</b>

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền phải thu cho thuê tàu với thời hạn thuê từ 1 đến 2 năm.

## 36. CAM KẾT VỐN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTDK-DHDCĐ2023 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Công ty mẹ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con, Tổng Công ty đã phê duyệt kế hoạch đầu tư tài sản cố định trong năm 2023 với số tiền là 9.573,6 tỷ đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty mẹ và các công ty con đã thực hiện khoản đầu tư tài sản cố định với giá trị hơn 4.499,9 tỷ đồng.

## 37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	5.928.203.957.491	3.690.772.139.478
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	979.225.965.598	1.793.749.749.410
Nợ thuần	4.948.977.991.893	1.897.022.390.068
Vốn chủ sở hữu	9.030.394.792.063	8.014.058.773.970
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,55</b>	<b>0,24</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	979.225.965.598	1.793.749.749.410
Đầu tư tài chính	3.532.406.395.719	2.752.569.001.250
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.295.340.985.032	1.457.095.969.193
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.806.973.346.349</b>	<b>6.003.414.719.853</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	5.928.203.957.491	3.690.772.139.478
Phải trả người bán và phải trả khác	1.408.001.040.669	1.462.782.276.082
Chi phí phải trả	137.331.269.596	229.891.449.879
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.473.536.267.756</b>	<b>5.383.445.865.439</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu chịu sự rủi ro về thay đổi hoạt động của các Nhà máy lọc dầu (Dịch vụ vận tải) và hoạt động của các mỏ (Dịch vụ hàng hải dầu khí), để kiểm soát rủi ro này Tổng Công ty đã luôn đảm bảo đội tàu vận tải dầu thô đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của các Nhà máy lọc dầu, đối với các phương tiện kho nổi đều có thể chuyển đổi công năng để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các mỏ. Đây là lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty trong các năm vừa qua.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi số của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	473.861.596.870	297.476.115.784	1.614.844.848.884	1.285.924.903.335
Euro (EUR)	1.146.837.385	15.492.319.770	2.934.938.592	1.431.303.537
Yên Nhật (JPY)	-	118.284.146	1.292.774.858	12.178.483.286
Đô la Singapore (SGD)	1.314.595	-	2.544.270.748	1.589.113.369

### Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tổng Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 4% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 4% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 4% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 4% (năm 2022: 4%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 45.639.330.081 đồng (năm 2022: giảm/tăng 39.537.951.502 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro, Đô la Singapore và Yên Nhật thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Tổng Công ty.

### Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các khách hàng và đối tác của Tổng Công ty đều là các bên có uy tín trên thị trường. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có một số khoản phải thu quá hạn thanh toán, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng cho những khoản này.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuận.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	979.225.965.598	-	-	979.225.965.598
Đầu tư tài chính	3.486.468.628.419	-	45.937.767.300	3.532.406.395.719
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.138.672.477.645	156.868.507.387	-	1.295.540.985.032
	<b>5.604.367.071.662</b>	<b>156.868.507.387</b>	<b>45.937.767.300</b>	<b>5.806.973.346.349</b>

Các khoản vay	1.387.771.910.484	3.389.342.331.409	1.151.089.715.598	5.928.203.957.491
Phải trả người bán và phải trả khác	1.010.034.113.250	242.854.692.751	165.112.234.668	1.408.001.040.669
Chi phí phải trả	137.331.269.596	-	-	137.331.269.596
	<b>2.535.137.293.330</b>	<b>3.632.197.024.160</b>	<b>1.306.201.950.266</b>	<b>7.473.536.267.756</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>3.069.229.778.332</b>	<b>(3.475.528.516.773)</b>	<b>(1.260.264.182.966)</b>	<b>(1.666.562.921.407)</b>

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.793.749.749.410	-	-	1.793.749.749.410
Đầu tư tài chính	2.706.631.233.950	-	45.937.767.300	2.752.569.001.250
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.321.907.817.389	135.188.151.804	-	1.457.095.969.193
	<b>5.822.288.800.749</b>	<b>135.188.151.804</b>	<b>45.937.767.300</b>	<b>6.003.414.719.853</b>

Các khoản vay	1.099.431.218.656	2.261.185.653.160	330.155.267.662	3.690.772.139.478
Phải trả người bán và phải trả khác	1.043.373.442.482	63.673.140.800	355.735.692.800	1.462.782.276.082
Chi phí phải trả	229.891.449.879	-	-	229.891.449.879
	<b>2.372.696.111.017</b>	<b>2.324.858.793.960</b>	<b>685.890.960.462</b>	<b>5.383.445.865.439</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>3.449.692.689.732</b>	<b>(2.189.670.642.156)</b>	<b>(639.953.193.162)</b>	<b>619.968.854.414</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức vừa phải và tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## 38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

## Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	Công ty mẹ
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Tổng Công ty Phân Bón và Hoá Chất Dầu Khí – Công ty cổ phần	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro	Công ty liên doanh của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau đây với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Dịch vụ cung cấp</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty con	1.857.197.433.879	1.753.686.230.187
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty con	585.103.398.015	640.295.668.397
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty con	515.947.989.748	615.160.466.154
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí và các công ty con	475.594.129.000	455.912.576.417
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty con	6.803.300.487	4.908.866.272
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí và các công ty con	5.523.569.011	8.713.420.025
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	5.088.065.411	4.987.347.439
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau và các công ty con	2.963.895.480	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập tài chính</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	61.360.313.849	44.771.420.072
<b>Thu nhập khác (phí lưu tàu)</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty cùng tập đoàn	6.825.594.974	4.285.607.441
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	19.614.847.500	16.379.761.802
<b>Mua hàng và dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty con	516.555.203.379	427.501.482.715
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty con	88.918.962.630	83.325.127.788
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty con	87.217.598.274	204.544.384.993
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty con	82.932.822.006	84.469.277.267
Liên Doanh Việt Nga - Vietsovpetro	50.469.559.697	51.077.301.697
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí và các công ty con	10.492.790.909	10.492.790.909
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	6.306.542.444	6.000.225.065
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí và các công ty con	2.358.453.636	19.755.414.309
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí và các công ty con	2.319.015.820	2.146.080.100
Tổng Công ty Phân Bón và Hoá Chất Dầu Khí và các công ty con	115.830.000	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	181.400.000	-
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	28.075.965.650	30.156.711.327
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	15.199.373.618	17.337.936.553
<b>Cố tức đã công bố và chi trả</b>		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	49.519.947.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	4.808.746.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát của Công ty mẹ trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thủ lao và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị:</b>		
Ông Phạm Việt Anh	-	-
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	54.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Linh Giang	-	-
Ông Nguyễn Đình Thanh	54.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Đức Chính	54.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	225.000.000	90.000.000
Ông Đoàn Đình Thái	225.000.000	90.000.000
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	2.477.741.809	3.023.221.171
Tiền lương và các khoản thu nhập khác của Tổng giám đốc và Người quản lý (Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng)	5.686.158.394	5.467.659.649
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	954.172.521	844.323.523

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty con	220.042.003.618	269.976.947.727
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí và các công ty con	95.676.040.080	42.641.357.078
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty con	72.636.309.165	58.485.040.018
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty con	45.411.943.411	55.777.086.335
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	-	179.766.000
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí và các công ty con	894.629.656	1.602.047.476
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	128.530.414	128.530.414
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và các công ty con	37.700.000	-
Các bên liên quan khác	-	865.073.140
	<b>434.827.156.344</b>	<b>429.655.848.188</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	7.834.890.411	7.236.375.066
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	7.644.465.154
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	5.366.000
Các bên liên quan khác	76.892.646	4.763.021.464
	<b>7.911.783.057</b>	<b>19.649.227.684</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty con	106.964.597.484	4.056.166.474
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty con	13.946.664.942	34.034.609.507
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty con	12.222.218.245	8.655.441.054
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	10.833.036.612	10.833.036.612
Liên Doanh Việt Nga - Vietsovetro	5.262.538.790	11.193.727.149
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	1.839.197.856	1.824.564.874
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí và các công ty con	1.316.520.000	3.487.904.182
Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí và các công ty con	651.232.707	924.930.933
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí	376.713.000	-
Trường cao đẳng nghề dầu khí	33.900.000	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	2.188.192.999
Các bên liên quan khác	2.967.980.800	14.468.854.288
	<b>156.414.600.436</b>	<b>91.667.428.072</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	77.771.591.562	46.830.643.332
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí và các công ty con	118.000.000	-
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	-	976.241.522
	<b>77.889.591.562</b>	<b>47.806.884.854</b>
<b>Phải trả dài hạn khác</b>		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	339.767.749.334	418.803.033.600
<b>Vay dài hạn</b>		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	101.725.683.828	169.638.192.164
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	227.180.843.256	308.226.622.098
	<b>328.906.527.084</b>	<b>477.864.814.262</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (chi phí lãi vay phải trả)	2.769.240.185	3.296.159.465
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (chi phí lãi trả chậm phải trả)	2.762.272.672	140.873.381.379
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	1.829.473.164	3.411.208.229
	<b>7.360.986.021</b>	<b>147.580.749.073</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm số tiền 30.345.238.021 đồng chi phí lãi vay và 2.762.272.672 đồng chi phí lãi trả chậm phát sinh nhưng được chưa thanh toán (năm 2022 lần lượt là 17.714.368.074 và 140.873.381.379 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền 71.623.963.676 đồng (năm 2022 là 42.509.167.078 đồng), là số lãi tiền gửi và cổ tức phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 11.462.427.670 đồng (năm 2022 là 9.843.961.570 đồng), là khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền nhưng chưa được thanh toán trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng dở dang trong năm không bao gồm 983.674.221 đồng (năm 2022 là 11.790.157.436 đồng), là số tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng dở dang trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ đi vay trình bày trên cơ sở thuần số tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay của các khoản vay ngắn hạn dưới 3 tháng. Vì vậy, chỉ tiêu "Tiền thu từ đi vay" và "Tiền trả nợ gốc vay" cùng được điều chỉnh giảm tương ứng một khoản tiền 94.422.893.120 đồng (năm 2022 là 304.089.614.806 đồng).



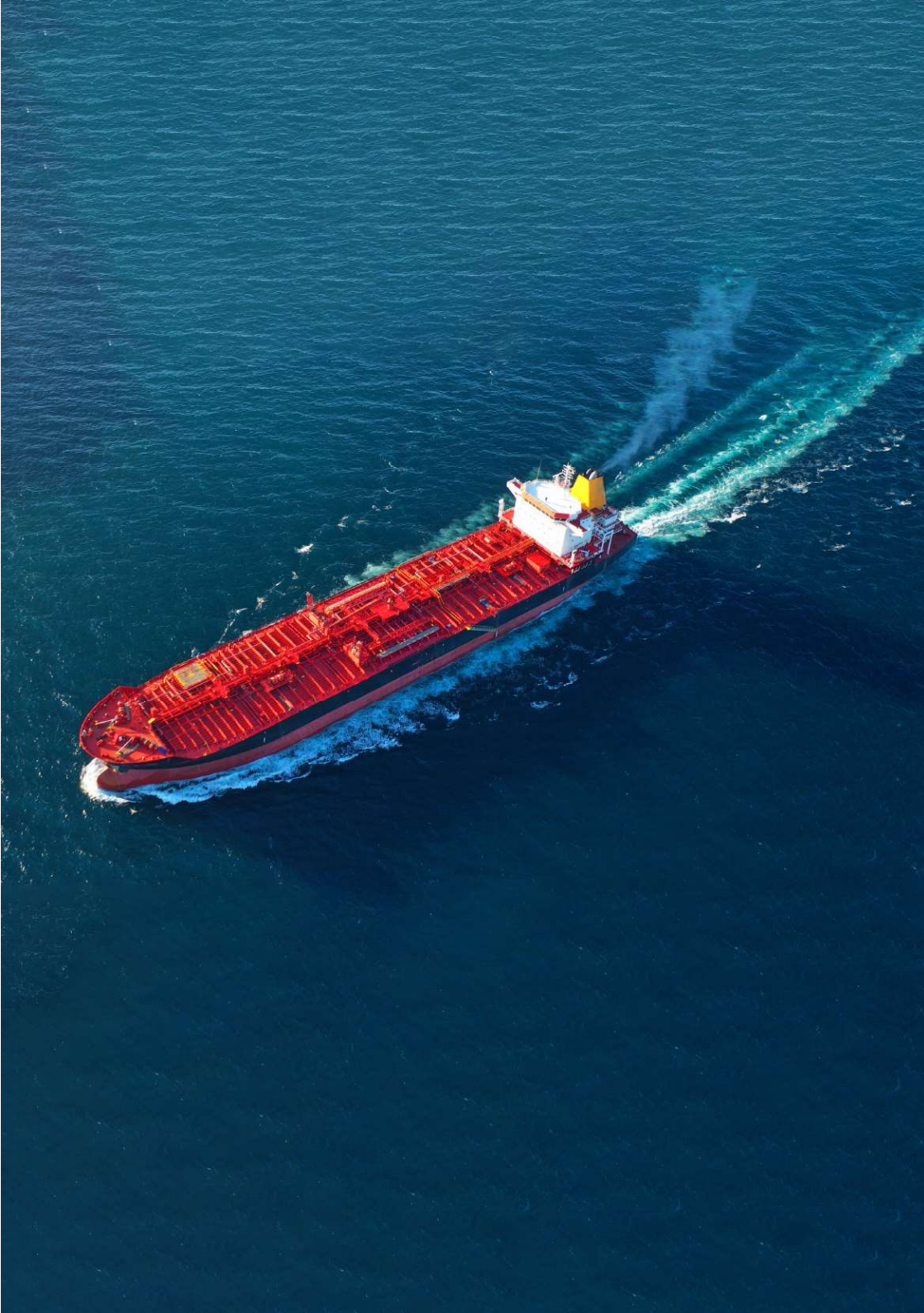
**Đinh Mai Phương**  
Người lập biểu



**Đỗ Đức Hùng**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Duyên Hiếu**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 02 năm 2024



**ĐOÀN KẾT - KỶ CƯƠNG**  
**SÁNG TẠO - HIỆU QUẢ**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**2023**